QUY SƠN CẢNH SÁCH

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Quy Sơn Cảnh Sách là một quyển luận của thiền sư Linh Hựu. Do ngài ở tại núi Quy, người đương thời nể trọng đức hạnh không dám gọi tên, nên dùng tên núi để gọi ngài, vì vậy ngài có tên là Quy Sơn. Quyển luận này nhằm mục đích nhắc nhở người xuất gia phải nỗ lực tu hành, để được giải thoát nên được đề tựa là Cảnh Sách. Quy Sơn Cảnh Sách là lời cảnh sách của ngài Quy Sơn.

Đây là bộ luận mà trong thiền môn nói riêng, giới xuất gia nói chung, coi như kinh của Phật. Thế nên ai xuất gia vào chùa, trong thời gian đầu học làm Sa-di, đều phải học thuộc lòng Phật Tổ Tam Kinh: kinh Tứ Thập Nhị Chương, kinh Di Giáo, Quy Sơn Cảnh Sách.

Hai quyển đầu là lời Phật dạy được gọi là kinh thì đúng. Quyển Cảnh Sách của ngài Quy Sơn đáng lý phải gọi là luận, tại sao lại gọi là kinh? Các vị thuở xưa

thấy lời chỉ dạy sách tấn của ngài rất thiết yếu, vừa đúng chân lý, vừa phù hợp với căn cơ mọi người, nên các vị xem như lời Phật dạy, vì vậy mà gọi là kinh. Quyển Quy Sơn Cảnh Sách đối với tất cả những người xuất gia còn trẻ, trong thời tập sự đã phải học thuộc lòng rồi. Nhưng, hôm nay tôi đem ra giảng, vì đây là tác phẩm của một Thiền sư (tổ Quy Sơn) thuộc đời thứ tư sau Lục Tổ:

1. Nam Nhạc Hoài Nhượng
2. Mã Tổ Đạo Nhất
3. Bá Trượng Hoài Hải
4. Quy Sơn Linh Hựu

Ngài sanh năm 771 tịch năm 853. Quyển sách này ra đời vào khoảng cuối thế kỷ thứ VIII hoặc đầu thế kỷ thứ IX. Ngài giáo hóa trên núi Quy, nơi đây có hơn một ngàn năm trăm thiền sinh quy tụ tu tập, nên ngài có lời cảnh sách để răn nhắc chung toàn chúng. Lời ngài nói chẳng những có giá trị về đạo lý, mà còn có giá trị về văn chương, nên được trong thiền môn dùng để sách tấn toàn thể tăng ni. Quyển này có nhiều nhà giải thích:

- Đời Tống, ngài Thủ Toại chú, đề tựa là Quy Sơn Cảnh chú (1 quyển).

- Đời Minh, ngài Đạo Bá giải, đề tựa là Quy Sơn Cảnh Sách chỉ nam. Quyển này nằm trong bộ Phật Tổ Tam Kinh (1 quyển).

- Đời Minh, ngài Hoằng Tán chú, ngài Khai Quýnh ký, đề tựa là Quy Sơn Cảnh Sách cú thích ký (2 quyển).

Tập sách này được các chùa đặc biệt dùng, vì lời giải của hai vị này đầy đủ nhất.

- Đời Minh, ngài Đại Hương chú giải, đề tựa là Cảnh Sách chú (1 quyển).

Dịch từ Hán sang Việt, có các vị:

- Hòa thượng Hành Trụ dịch từ quyển Quy Sơn Cảnh Sách cú thích ký của ngài Hoằng Tán và Khai Quýnh.

- Pháp sư Kiểu dịch bản Quy Sơn Cảnh Sách chỉ nam của ngài Đạo Bá.

- Hòa thượng Trí Quang dịch đề tựa là Quy Sơn Cảnh Sách văn in trong tập luật Sa-di và Sa-di-ni.

- Thầy Hoàn Quan dịch trong Phật Tổ Tam Kinh.

Chánh văn Quy Sơn Cảnh Sách vừa cô đọng vừa có âm điệu, nên ở đây tôi giảng chánh văn để quý vị thấy giá trị văn chương và ý nghĩa cô đọng trong lời ngài dạy.

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

QUY SƠN CẢNH SÁCH GIẢNG GIẢI

Quy Sơn là núi Quy, nơi thiền sư Linh Hựu giáo hóa bốn chúng. *Cảnh sách,* cảnh là đánh thức những người đang mê chưa ngộ. Người tu chúng ta tuy đã phát tâm xuất gia học đạo, song còn mê say trong dục lạc, thường quên lãng việc tu hành. Nên ngài dùng phương tiện đánh thức chúng ta nhớ lại bổn phận và trách nhiệm của người xuất gia để nỗ lực tiến tu. *Sách* nghĩa là roi da. Thường người cưỡi ngựa muốn cho ngựa chạy nhanh, dùng roi da tróc tróc cho nó chạy. Cũng vậy, muốn sách tấn thúc đẩy người ta cũng phải dùng lời để răn nhắc cho tiến. Tông chỉ bộ luận này là đánh thức người tu chúng ta nỗ lực tiến tới chỗ cứu cánh của người xuất gia.

Âm:

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội. Vô thường lão bệnh bất dữ nhân kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát-na dị thế. Thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ tỉnh đằng, khởi năng trường cửu. Niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yến nhiên không quá?

Dịch:

Bởi do nghiệp trói buộc mà có thân, tức chưa khỏi khổ lụy về thân. Bẩm thụ tinh cha huyết mẹ, tạm mượn các duyên hợp thành. Tuy nhờ tứ đại giữ gìn, nhưng chúng thường trái nghịch. Vô thường, già, bệnh chẳng hẹn cùng người. Sáng còn tối mất, chỉ trong khoảng sát-na đã qua đời khác. Ví như sương mùa xuân, móc sáng sớm, phút chốc liền tan. Cây bên bờ vực, dây trong miệng giếng, há được lâu bền. Niệm niệm qua nhanh, chỉ trong khoảng sát-na, chuyển hơi thở đã là đời sau, sao lại an nhiên để ngày tháng trôi suông vô ích?

Giảng:

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy. Do nghiệp trói buộc lôi cuốn nên chúng ta phải thọ nhận thân này. Sau khi thọ nhận thân này rồi thì *vị miễn hình lụy,* tức chưa khỏi được cái khổ lụy về thân. Lời này trùng hợp với Lão Tử "Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân", vì ta có thân nên có họa lớn. Lão Tử thấy

do có thân nên có họa, song chưa nói đến nguyên do nào mà có thân. Tổ Quy Sơn nhìn theo con mắt của nhà Phật, thấy thân chúng ta không phải ngẫu nhiên có, mà là do nghiệp chướng ràng buộc lôi kéo. Đã do nghiệp lôi kéo chúng ta ra đây thì không thể nào tránh khỏi đau khổ. Đó là ngài chỉ rõ nguyên nhân của sự đau khổ khi mang thân này. Nhưng tại sao nghiệp lôi mình được và sao mình dại dột để cho nghiệp lôi?

Chúng ta tìm tột cùng nguyên nhân thuở trước, khi chưa có thân này, do cái gì thúc đẩy lôi cuốn chúng ta có thân? Cái thúc đẩy lôi cuốn trong nhà Phật gọi là "nghiệp". Nhưng nó lôi cuốn bằng cách nào? Phật nói con người có ba nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Nghiệp thúc đẩy lôi cuốn chúng ta thọ thân sau, tùy theo nghiệp thiện hay ác mà dẫn đến chỗ tốt hay xấu. Vậy nghiệp là gì? Là động tác của thân, miệng, ý được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen. Khi đã thành thói quen, nó có sức mạnh chi phối, dắt dẫn con người theo nó. Người phàm tục không thấy biết nghiệp, nhưng bậc thánh giả thì thấy có bạch nghiệp và hắc nghiệp, nên khi nhìn người biết họ có chủng nghiệp lành hay dữ, theo đó sanh thân hoặc khổ hoặc vui, ấy là nói theo tương đối thế gian. Theo tinh thần Khổ đế của đạo Phật, dù cho thân sang hèn nghèo giàu cũng đều khổ.

Những nhà tướng số, căn cứ trên phước tướng nhiều ít mà đoán đúng hậu vận của con người. Thế nên người ta cho rằng mình có sẵn số mạng như thế. Nhưng điều này chỉ đúng với những người bình thường, khi sanh ra họ cứ

theo nghiệp cũ mà sống, không biết chuyển đổi nghiệp. Tử vi của mọi người chung chung là lớn lên lập gia đình có con cái, chức phận v.v... nhưng với người xuất gia từ nhỏ thì không có gia đình, con cái, chức phận... như vậy là đã cải số rồi. Nếu cho số mạng là cái định sẵn mà mọi người phải y theo đó để sống, không thể chuyển đổi thì quá lầm lẫn. Nghiệp có thể chuyển được, chuyển từ nghiệp dữ thành nghiệp lành và ngược lại. Như có lắm người trước thì say mê dục lạc, sau bừng tỉnh xa lìa dục lạc trở thành người cao thượng, cũng có người tốt gặp bạn bè hư đốn quyến rũ chạy theo làm điều xấu ác.

Nghiệp chi phối lôi kéo con người như thế nào? Như một người có thói quen nghe nhạc, vào mỗi tối lúc tám giờ. Bỗng một hôm máy hư, không nghe được nhạc, người ấy cảm thấy buồn buồn. Ngay lúc đó nhà hàng xóm mở nhạc, thói quen thúc đẩy người ấy tìm tới để nghe. Thói quen (nghiệp) không có hình tướng nhưng có sức mạnh thúc đẩy, chi phối con người làm theo nó. Đó là thói quen của tai.

Bây giờ đến thói quen của thân miệng. Có người khi nghe nhạc thì miệng huýt sáo ca hát, tay chân nhịp theo điệu nhạc. Một hôm đến chỗ trang nghiêm, lý đáng phải ngồi nghiêm chỉnh, nhưng một hồi cảm thấy buồn bèn nhịp đùi huýt sáo, vì đã thành thói quen rồi. Có những thói quen tệ hơn nữa là hút thuốc, ăn trầu, uống rượu, hút á phiện v.v... Vậy động lực nào bắt con người hút thuốc, ăn trầu, uống rượu...? Có phải tại thói quen chăng? Thói quen trở thành tập nhiễm và có sức mạnh thôi thúc khiến con người làm theo nó. Nhà Phật gọi đó

là nghiệp, chính nghiệp mình tạo rồi trói buộc và dẫn mình đi thọ sanh mà mình không hay biết, tưởng lý do này lý do kia bắt mình sanh ra đời chịu khổ. Nên biết, động lực chính là nghiệp lành hay nghiệp dữ khiến cho mình khổ hay vui.

Chúng ta nên nhớ là thân không tạo nghiệp ác mà tạo nghiệp thiện, miệng không nói lời hung dữ mà nói lời lành, ý không nghĩ ác mà nghĩ thiện; cứ như thế mà chuyển nghiệp thì mình làm chủ được không bị nghiệp sai sử. Chúng ta có đủ can đảm, đủ sức mạnh xây dựng, sắp đặt cho cuộc sống ngày mai của chính mình và chịu đựng những gì xảy đến, không than trách ai cả. Người hiểu rõ nghiệp và biết tu thì phải gắng mà chuyển nghiệp. Người tu như những con thuyền vững lái, gió mặc gió, nước mặc nước, cứ nhắm đích mà tiến, không để gió dập nước cuốn. Nói đến chuyển nghiệp là nói đến sức mạnh tự chủ, không phải thái độ yếu đuối phó mặc cho số mệnh, để rồi việc không xong thì đổ thừa cho nghiệp.

Tổ Quy Sơn dạy có thân này là do nghiệp, nghiệp lành hoặc nghiệp dữ. Nếu thọ thân trong cảnh tốt được sung sướng an vui là do tạo nghiệp thiện, thọ thân trong cảnh xấu chịu khổ đau là do tạo nghiệp ác. Biết được khổ vui là do nghiệp mình tạo để gan dạ chịu, không than oán khi gặp khổ, cố gắng chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện. Hoặc gan dạ cắt đứt mọi trói buộc của nghiệp để được tự tại trong tam giới, đó là tu. Ngược lại, biết rõ nghiệp mà vẫn đầu hàng, phó mặc cho nó chi phối lôi trì, là không biết tu. Còn tạo nghiệp là phải thọ thân,

mà có thân thì khổ, vì thân này vô thường hoại diệt, dù là vua chúa hay ăn mày cũng không thoát khỏi vô thường, nên gọi là hình lụy. Có thân là có các nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, thù oán gặp gỡ... Chỉ khi nào cắt đứt nghiệp thì không thọ thân và dứt luân hồi sanh tử. Không thọ thân không có nghĩa trở thành hư không, mà lúc ấy muốn độ ai thì tùy nguyện đến cứu giúp họ. Khi làm xong việc rồi đi một cách tự tại, không bị nghiệp chi phối ép ngặt.

Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành. Chúng ta do nghiệp mà có thân. Vậy có thân bằng cách nào? Do tinh cha huyết mẹ hợp lại thành bào thai, do nghiệp thúc đẩy thần thức gá vào bào thai. Bào thai ấy nhờ tứ đại bên ngoài bồi bổ từ từ qua sự hô hấp ăn uống của mẹ, lớn dần thành hình tướng, đầy đủ các bộ phận. Sau khi ra khỏi lòng mẹ, lại cũng nhờ tứ đại bên ngoài bồi bổ nuôi dưỡng lớn lên.

Tuy nãi tứ đại phù trì, thường tương vi bội. Tuy rằng thân này do tứ đại phụ giúp để được tồn tại, nhưng chúng vẫn thường trái nhau. Lửa gặp nước lửa tắt, đất gặp gió đất rung rinh... Nếu bốn đại mất quân bình thì thân không an. Khi gió thạnh thì thân đau nhức, khi đất thạnh thì hơi không thông, khi nước nhiều lửa ít thì thân phù thũng, khi lửa nhiều nước ít thì thân ốm gầy... Con người tuy có nhiều bệnh, song chỉ do bốn đại bất hòa mà ra. Muốn cho thân an ổn phải điều hòa bốn đại, nếu thấy đại nào mạnh thì hạn chế, đại nào yếu thì bồi bổ thêm, khéo điều hòa thì nó tồn tại, không khéo điều hòa thì nó tan rã.

Trong sự chung hợp đó luôn có sự chống trái nhau, không bao giờ an ổn, chẳng khác nào kẻ nuôi giặc trong nhà. Đã nuôi giặc trong nhà thì dù chúng ta có khôn ngoan thế mấy, cũng không tránh khỏi chuyện nổi loạn. Vì vậy mà từ xưa đến nay người Ấn Độ tập Yoga, người Trung Hoa thì vận khí công luyện đơn, để giữ cho thân này sống lâu. Tuy cố duy trì mạng sống lâu dài, nhưng chẳng mấy ai được như ý. Nếu khéo giữ lắm chỉ được vài trăm năm rồi cũng mất. Biết là giặc trong nhà mà muốn giữ nó còn mãi, đó là quan niệm sai lầm. Chúng ta chẳng khác nào kẻ đi biển bị chìm thuyền, vớ được gốc cây mục, nương theo nó để vào bờ. Nếu nghĩ rằng nhờ gốc cây này mà mình khỏi chết chìm, rồi ôm gốc cây mãi, đó là quan niệm sai lầm.

Đạo Phật không đặt nặng thọ mạng dài ngắn, mà chỉ biết có thân thì phải lợi dụng nó tiến tu cầu giải thoát. Những pháp tu ngoại đạo thì đặt nặng sự duy trì thọ mạng lâu dài, nên ai cũng thích, nhưng đâu ngờ ái thân là gốc của luân hồi. Chúng ta cần hiểu rõ đạo Phật lấy giác ngộ làm chánh, nên không bao giờ đề cập đến sống lâu, mà cốt làm sao giác ngộ, nghĩa là phải dứt ái, vì ái là gốc chấp ngã. Trong khi tu nếu bị bệnh, chúng ta thấy rõ thân này sắp hư hoại, không còn luyến ái, sẽ được thoát khỏi luân hồi. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Vì thế, mở đầu tổ Quy Sơn chỉ cho chúng ta thấy có thân là có khổ.

Vô thường lão bệnh bất dữ nhân kỳ. Vô thường ở đây chỉ cho già bệnh chết. Già bệnh chết chẳng hẹn với người. Đã biết rõ vô thường không hẹn, thế nên hôm nay

làm được việc gì hãy làm, chớ hẹn ngày mai. Đừng nghĩ tôi mới hai mươi tuổi vội gì tu, tôi có thể sống tám mươi tuổi kia mà, chừng già tu cũng chẳng muộn. Nhưng có ngờ đâu mới ba mươi tuổi lăn đùng ra chết, chết rồi làm sao tu? Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật hỏi một vị Tỳ-kheo:

- Mạng người sống được bao lâu?

Tỳ-kheo trả lời:

- Mạng người sống được vài hôm.

Phật nói:

- Ông chưa thấy đạo.

Phật hỏi vị khác, vị ấy trả lời:

- Mạng người sống chừng bữa ăn.

Phật cũng nói:

- Ông chưa thấy đạo.

Phật lại hỏi vị khác nữa, vị ấy trả lời:

- Mạng người chỉ trong hơi thở.

Phật nói:

- Ông đã thấy đạo.

Chúng ta thở ra hít vô được thì còn sống, nếu thở ra mà không hít vô thì chết ngay. Đó là một lẽ thật, tất cả mọi người đều chết như vậy. Trong giữa bữa ăn, nếu thở ra mà không hít vô cũng ngã ra chết, thì đâu trọn bữa ăn. Thường chúng ta nghĩ cuộc sống dài bảy tám mươi năm, nếu ngắn nhất cũng đôi ba ngày hoặc chừng

bữa ăn. Nhưng dưới mắt Phật, mạng sống chỉ trong hơi thở. Thế nên còn thở ra hít vô được thì chúng ta ráng tu, kẻo ngày nào đó thở ra mà không hít vô thì tu không kịp. Nếu cứ lo tính chuyện trăm năm là kẻ si mê không thấy đạo.

Đức Phật đã chỉ cho chúng ta một lẽ thật. Thấy được lẽ thật là tỉnh giác, không thấy lẽ thật là si mê. Mạng người đã không lâu bền tại sao chúng ta lại hẹn? Nên nhớ rằng vô thường không hẹn với mình, thì mình cũng không có quyền hẹn với ai hết. Ngày nào còn sống là ngày đó phải hạ thủ công phu để tự lợi, lợi tha đầy đủ. Nói ba năm nữa hãy bắt đầu làm việc này việc nọ đó là si mê. Chúng ta phải luôn luôn hiểu rõ lẽ này.

Triêu tồn tịch vong, sát-na dị thế. Thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ tỉnh đằng, khởi năng trường cửu. Ngài diễn tả cảnh vô thường sớm còn chiều mất, chỉ trong khoảng sát-na, đã qua đời khác, giống như sương mùa xuân buổi sáng long lanh trên ngọn cỏ, nắng vừa lên là đã tan rồi. Sự sống của chúng ta chẳng khác chi sương đọng trên đầu cành, mới long lanh đó liền khô mất. Ví như cây dựa vực thẳm hoặc đứng sát bờ sông sâu, chỉ một cơn gió là lật nhào xuống nước, chẳng có chút gì bảo đảm. Mạng sống giống như dây bò qua giếng.

Trong kinh Phật dụ có một người phạm tội, bị vua xử voi giày. Khi voi rượt, người ấy cắm đầu chạy, đến một cái giếng liền nhảy xuống vì sợ voi đạp. Giếng sâu người ấy thấy sợi dây mọc qua thành giếng, liền nắm dây

tuột xuống. Giữa chừng, lại gặp ba con rồng phun lửa lên hừng hực, đành bám chặt sợi dây ở lưng chừng. Người ấy tính dựa vào thành giếng để có điểm tựa bảo đảm, song nhìn thấy có bốn con rắn độc lè lưỡi. Bấy giờ kẻ tử tội chỉ đeo sợi dây lơ lửng, lên xuống qua lại đều chẳng được. Oái oăm thay có hai con chuột một trắng một đen thay nhau gặm sợi dây, làm dây sắp đứt. Mạng sống của người tử tội thật mong manh! Thế mà, trong khi bối rối, người ấy ngửa mặt lên bỗng có năm giọt mật rơi vào miệng. Vị ngọt của mật làm cho người ấy thích thú quên hết nỗi nguy nan khổ sở mà mình đang đối diện. Thử hỏi người ấy mê đến bậc nào?

Phật dùng ví dụ này để diễn tả sự say mê của chúng sanh. Voi rượt kẻ tử tội, dụ cho hành khổ và hoại khổ, tức là vô thường đang bức bách con người đi đến cái chết. Sợi dây bên giếng dụ cho mạng sống con người quá mỏng manh. Ba con rồng phun lửa dụ cho ba độc tham, sân, si đang thiêu đốt con người. Bốn con rắn độc dụ cho bốn đại đất, nước, gió, lửa không hòa hợp, rã tan bất cứ lúc nào. Hai con chuột đang gặm mòn sợi dây dụ cho ngày và đêm. Mỗi giây phút trôi qua là sanh mạng mòn dần... Năm giọt mật dụ cho ngũ dục lạc là tài, sắc, danh, thực, thùy, mà người đời đang say đắm, quên đi cái khổ vô thường to lớn đang bức bách.

Chư Phật và chư Bồ-tát mười phương nhìn thấy chúng sanh say mê ngũ dục, không nhớ vô thường đang bức bách hoành hành, các ngài khởi lòng từ bi phương tiện tế độ. Kinh Pháp Hoa dụ chúng sanh say mê ngũ dục, như những trẻ con đang ở trong nhà lửa cháy

hừng hực, mà cứ mải mê vui đùa không chịu ra. Ông cha muốn cứu các con khỏi nạn lửa, bèn dụ bằng các món đồ chơi đẹp lạ, các con vì ham đồ chơi mới chịu ra khỏi nhà lửa. Thế gian này có ai nhận thấy mình đang si mê, hay vẫn cứ vỗ ngực xưng ta là người trí thức khôn ngoan? Đang si mê mà chẳng biết mình si mê mới thật là đại si mê. Nếu si mê mà biết mình đang si mê, khả dĩ lóe được chút ít trí tuệ. Mạng sống của con người mỏng manh chẳng khác chi sương đầu ngọn cỏ, cây đứng bên vực sâu, dây bò qua thành giếng, chẳng có chi lâu bền mà tự đắc vui sướng. Kẻ nào tự hài lòng trong cảnh ấy là kẻ đại si mê, không mảy may thức tỉnh. Thế nên Tổ đánh thức cái mê lầm ngàn đời của chúng ta.

Niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yến nhiên không quá? Mỗi niệm mỗi niệm qua nhanh, chỉ trong thời gian ngắn nhất là một sát-na, nếu chuyển hơi thở là qua đời sau rồi. Thở ra mà không hít vào thì thân hiện tại này không còn hoạt động nữa, gió (hơi thở) làm cho cơ thể hoạt động, gió ngừng, hoạt động cũng theo gió mà đứng, tim không đập, máu ngừng chảy, thế là qua một đời. Vậy mà người đời cứ ngồi yên để cho ngày tháng trôi qua. Tổ sách tấn chúng ta biết rõ cuộc đời là vô thường, mạng sống chỉ trong hơi thở, phải nỗ lực tiến tu, chẳng lẽ ngồi chơi nhàn nhã cho qua ngày tháng, chẳng là ngu dại lắm ư!

Tóm lại, Tổ chỉ cho chúng ta thấy rõ nguyên nhân đưa đẩy con người sanh ra đời, là do nghiệp dẫn, nên không thể tránh khỏi đau khổ về sự vô thường hư hoại

của thân. Sở dĩ con người có ra và tồn tại là nhờ các duyên chung hợp, bốn đại hỗ tương. Nhưng bốn đại vẫn chống đối nhau khiến thân này tiêu mòn dần... chỉ trong khoảng sát-na, một hơi thở ra không hít vào là đã qua đời khác. Vậy thì "Đâu thể an nhiên để ngày tháng qua suông vô ích". Lời trách cứ này của Tổ, chẳng khác nào ngọn roi quất mạnh, khiến chúng ta thức tỉnh mà cố gắng tu.

Âm:

Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly. Bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự. Miến ly hương đảng, thế phát bẩm sư. Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức. Huýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

Dịch:

Đối với cha mẹ chẳng dâng ngon ngọt, với lục thân chí quyết bỏ lìa. Không thể an nước trị dân, nghiệp nhà trọn không nối dõi. Xa làng biệt xóm, cắt tóc theo thầy. Trong thường nhớ nghĩ công phu, ngoài rộng mở hạnh hòa kính. Thoát hẳn thế trần, mong cầu giải thoát.

Giảng:

Đoạn này Tổ trách những người xuất gia không nỗ lực cố gắng tu.

Phụ mẫu bất cung cam chỉ. Đối với cha mẹ chúng ta không nuôi dưỡng món ngon vật lạ.

Lục thân cố dĩ khí ly. Nghĩa là đối với thân bằng quyến thuộc lại cố xa lìa. Lục thân là chỉ cho thân bằng quyến thuộc như: cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Câu này nói đối với thân bằng quyến thuộc lại cố xa lìa.

Bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự. Không thể an nước trị dân, sự nghiệp gia đình chúng ta đều buông bỏ, không nối dòng kế tự.

Miến ly hương đảng, tức là xa lìa làng xóm. *Thế phát bẩm sư,* tức là cạo tóc theo thầy học đạo. Đoạn này Tổ chỉ cho chúng ta thấy cái gan dạ siêu xuất của người xuất gia. Thông thường, theo Nho giáo thì cho rằng trách nhiệm lớn lao của người con hiếu là nuôi dưỡng cha mẹ, kế tục sự nghiệp gia đình. Bây giờ chúng ta đi tu là bỏ cha mẹ, bỏ quyến thuộc bạn bè. Đối với quốc gia chúng ta không phải là tôi trung, đối với gia đình thì không sanh con để nối nghiệp. Bỏ lìa tất cả để cạo tóc theo thầy học đạo, tức là chúng ta không muốn làm theo hạnh nghiệp thế gian mà muốn cái siêu xuất thế gian. Nhưng vào chùa một thời gian, chúng ta lại đi kết tình chị em với người này, kết tình cha mẹ với người kia. Buông cái này bắt cái kia, bỏ cha mẹ ruột để kết tình cha mẹ nuôi với thí chủ. Như vậy xuất gia để cầu cái gì? Có phải cầu luân hồi hay không?

Có người lại đi xin một đứa nhỏ về nuôi làm con. Thật vô lý làm sao! Cha mẹ đã không nuôi, con không sanh lại đi nuôi con của người rồi xưng là con mình. Tình chân chánh đối với cha mẹ đã dám cắt đứt, lại đi kết ái từ đâu đâu... Thành ra vào chùa một thời gian lại trở thành thế tục. Như vậy, thật là phản bội với ý nguyện

xuất gia của mình, phản bội với lý tưởng cao siêu giải thoát. Điều sai lầm này hầu như đầy khắp cửa chùa. Đó là cái vô minh từ vô thủy đến giờ đang che mờ chúng ta.

Đã biết cuộc đời là vô thường, ái là gốc luân hồi sanh tử, tại sao vô chùa lại cột thêm dây ái khác, để rồi cũng buồn, giận, khóc, than? Như huynh đệ lâu lâu giận nhau cũng khóc, nuôi con người ta nó bệnh mình cũng khóc... Cứ như vậy ngày qua tháng lại thì tu được cái gì? Giải thoát chỗ nào mà dám xưng ta đây là Thích tử, là người xuất gia, dạy đạo giải thoát, trong khi mình đang bị cột hằng trăm mối phiền não? Chúng ta phải nhận thức kỹ điều này. Đừng phản bội lại lý tưởng siêu thoát của mình. Cạo tóc theo thầy học đạo, thì phải làm sao cho xứng đáng!

Nội cần khắc niệm chi công, tức bên trong phải ghi nhớ phương pháp tu của mình, không bao giờ lơi lỏng. Như trong kinh Bát-nhã dạy hằng giờ hằng phút dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu thấy ngũ uẩn, lục trần đều không thật để đừng mê lầm.

Ngoại hoằng bất tranh chi đức, tức là bên ngoài mở rộng đức không tranh. Đối với đại chúng phải sống theo tinh thần lục hòa, sống lục hòa mới đúng tư cách của người xuất gia. Bây giờ chúng ta xét lại coi có mấy ai được như thế? Bên trong thì tính đủ chuyện lăng xăng là đã mất *khắc niệm chi công*. Bên ngoài thì chỉ hai huynh đệ ở chung nhau cũng không hòa, như vậy thì đâu còn "vô tranh" nữa, mà là "hữu tranh" rồi. Trong loạn tưởng, ngoài đấu tranh, sống như thế thì đạo lý ở chỗ nào?

Thế nên người xuất gia chúng ta phải nhớ bên trong không xao lãng pháp tu, bên ngoài sống đúng lục hòa..., được vậy thì Tăng đoàn mới vững mạnh lâu dài và đời tu của mình mới có ý nghĩa. Chỉ một câu này thôi cũng quá đầy đủ cho chúng ta tu hành. Chúng ta phải luôn luôn nhớ mạng người trong hơi thở, thì có gì đâu mà tranh nhau! Chuyện gì cũng nên xí xóa cho nhau để tu, thời gian đâu có đợi mà ở đó tranh hơn thua, thế mới là người thức tỉnh. Ngược lại ở trong chùa mà người ta nói hơn một tiếng cũng không được, thấy ai hành động có vẻ khinh mình là không ưa, cứ chống chọi nhau hết cả thời giờ. Tuy mang hình thức xuất gia mà tâm niệm hoàn toàn thế tục. Tu hành lơ láo như thế, thì dù một trăm năm cũng chẳng ra gì.

Trong kinh A-hàm đức Phật có nói bài kinh Tứ Niệm Xứ tức là bốn chỗ nhớ niệm:

1. Quán thân bất tịnh.

2. Quán thọ là khổ.

3. Quán tâm vô thường.

4. Quán pháp vô ngã.

Phật nói bốn pháp đó nếu người nào luôn niệm không quên, thì trong một tháng chứng quả A-la-hán, trong bảy ngày chứng quả A-na-hàm, trong một ngày chứng quả Tư-đà-hàm, người nào trong một giờ không quên cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn. Theo tinh thần Bát-nhã, người nào hằng nhớ trí tuệ Bát-nhã một tháng không quên, tức đã vào Thánh địa, một ngày không quên

đã bước vào bậc Tam hiền, người nào một giờ không quên đã bước vào Chánh vị. Vì thế, tu là phải luôn luôn như khắc chữ vào đá không mờ, thì mới tiến được. Chúng ta chợt nhớ chợt quên, một ngày trôi qua chỉ thoáng nhớ vài ba khắc là cùng, vì thế tuy tu đã lâu, rốt cuộc cũng chỉ loanh quanh trong phiền não mà thôi.

Huýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly. Huýnh thoát là ra khỏi, *ký kỳ* là hẹn ngày, nghĩa là chúng ta nhất định có ngày thoát khỏi cõi trần. Hai câu trước nói bổn phận của người xuất gia, hai câu này khuyên chúng ta lập chí giải thoát, nhất quyết tu đời này cho liễu ngộ, đừng nói rằng: Thôi tu được bao nhiêu hay bấy nhiêu, đời sau tu tiếp nữa. Hẹn lần hồi như thế, đấy là người chưa hiểu đạo. Phải nhất quyết đời này thoát khỏi luân hồi sanh tử. Chúng ta nói thế có cao vọng lắm không? Nhiều người cho rằng, trong kinh Phật nói phải tu ba a-tăng-kỳ kiếp, còn mình tu một đời này chắc gì giải thoát? Nghĩ như vậy rồi thối tâm, cứ tu lơ là cho qua ngày, sợ ráng tu quá thì đổ nghiệp. Vì thế, khuya thức dậy tụng một thời công phu, kế xuống lo ăn uống, ăn xong lo đi thăm tín đồ hoặc đi lo vài công việc trong chùa, chừng về mệt quá mở radio nằm nghe một hồi, rồi ngủ một giấc, thức dậy lại ăn cơm, ăn xong lại ngủ v.v... Cứ như thế mà tiếp diễn ngày này qua ngày khác cuộn tròn trong vòng say mê ấy, hỏi chừng nào mới giải thoát?

Trong kinh Pháp Hoa, Phật đã nói: Ngài cùng Bồ-tát Di-lặc xuất gia tu hành một lúc, mà ngài thì tinh tấn nên sớm thành Phật, còn Bồ-tát Di-lặc cứ mải lần khân những nơi sang giàu, nên lần khân mãi đến nay

cũng còn là Bồ-tát. Nhờ tinh tấn mà vượt qua bao nhiêu số kiếp, còn giải đãi thì không biết đến chừng nào?

Thuở Phật còn tại thế, cũng có một số tăng sĩ thấy mình không kham tiến tu được nên xin hoàn tục. Đối với những vị ấy, tuy sống trong thời chánh pháp mà chẳng khác chi mạt pháp, vì không tiến được. Chúng ta ngày nay tuy sống trong thời mạt pháp, mà y theo lời Phật tổ dạy nỗ lực tiến tu, khắc một chữ "Tử" trên trán, không sợ chết, quyết định tu một đời này cho liễu ngộ, ấy là chúng ta đã chuyển mạt pháp thành chánh pháp. Chánh pháp hay mạt pháp gốc tại lòng mình. Quyết chí tiến tu, ấy là chánh pháp, khởi lòng lui sụt, ấy là mạt pháp.

Phật đâu không từng nói: "Người tuy ở xa ta ngàn dặm mà nghe lời ta dạy y cứ tu hành thì chẳng khác nào ở cạnh ta." Như vậy chúng ta tuy cách Phật hơn hai ngàn năm trăm năm mà y theo lời Phật dạy thực hành thì cũng giống như được sống trong thời có Phật. Sở dĩ nói thời mạt pháp khó tu, là vì chúng ta giải đãi là một, ý chí yếu hèn là hai. Nếu ở thời mạt pháp mà chúng ta lập chí cho vững, tinh tấn không dừng thì mạt pháp đã trở thành chánh pháp.

Thí dụ xứ mình là xứ nóng, nhưng người xứ lạnh sang đây ở, họ trang bị phòng có máy lạnh thì họ đâu còn thấy nóng nữa. Như vậy họ đã chuyển nóng thành mát, đổi xấu thành tốt. Đó là nói về vật chất huống nữa là tinh thần. Như trong thời khó tu, nếu ý chí chúng ta mạnh thì có thể đổi hết. Người có chí việc khó biến thành dễ, người không có chí việc dễ biến thành khó.

Vì thế chúng ta không nên than phiền sống trong thời mạt pháp khó tu, mà chỉ nên than phiền sao chúng ta lười biếng đua đòi! Như thấy người ta sắm radio nghe vui vui, mình cũng bắt chước sắm theo, đua đòi như thế tất bị chi phối, khi đã bị chi phối rồi thì việc tu càng ngày càng bê trễ, đó là bệnh của chúng ta chứ không phải bệnh của thời đại.

Thời đại cũng là một yếu tố làm cho chúng ta khó tu, song biết đâu nếu chí chúng ta mạnh thì đó cũng là cái hay giúp chúng ta tiến tu. Đừng bi quan vì nghĩ là thời mạt pháp, mà chỉ nên tự thẹn mình không có ý chí. Vì thế, Tổ dạy chúng ta phải lập chí giải thoát, nhất định chúng ta sẽ ra khỏi cõi trần một ngày gần đây, chứ không để đắm chìm mãi mãi. Chúng ta phải luôn nhớ áp dụng bốn câu này vào đời tu của mình, mới thật là người xuất gia chân chánh.

Âm:

Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ-kheo. Đàn-việt sở tu, khiết dụng thường trụ, bất giải thổn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hợp cúng. Khiết liễu tụ đầu huyên huyên, đãn thuyết nhân gian tạp thoại. Nhiên tắc nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Nẫng kiếp tuẫn trần, vị thường phản tỉnh. Thời quang yểm một, tuế nguyệt sa đà, thọ dụng ân phồn, thí lợi nùng hậu. Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa, bảo trì huyễn chất. Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ-kheo, tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc. Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ.

Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia, quý cầu y thực.

Dịch:

Sao lại vừa mới lên giới phẩm, liền xưng: Ta là Tỳ-kheo. Dùng của thí chủ, ăn của thường trụ, không biết xét nghĩ của ấy tự đâu đem đến, lại nói càn: lẽ đương nhiên phải hiến cúng. Ăn rồi giụm đầu ồn náo, chỉ nói toàn chuyện tạp thế gian. Song, một thuở đua vui, không biết vui ấy là nhân của khổ. Nhiều kiếp theo trần, chưa từng tỉnh lại. Thời giờ mất mát, năm tháng dần dà. Thọ dụng càng nhiều, thí chủ càng được lợi. Hết năm này sang năm khác chẳng chịu trừ bỏ. Chất chứa càng nhiều chỉ để giữ gìn thân huyễn. Đấng Đạo sư có lời dạy, răn nhắc Tỳ-kheo: "Tiến đạo nghiêm thân, ba việc thường chớ đủ." Người nay phần nhiều mê đắm không thôi, ngày lại tháng qua thoạt nhiên đầu bạc. Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên rộng hỏi bậc tiên tri, chớ nói xuất gia trọng cầu ăn mặc.

Giảng:

Hà nãi tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ-kheo. Đến đây Tổ cho một roi quá đau. Thọ giới rồi xưng Tỳ-kheo vì sao lại bị quở? Tổ quở đây là quở bệnh ngã mạn. Là người xuất gia phải luôn giữ vững ý chí, bổn phận của mình, bên trong ghi nhớ pháp tu, bên ngoài mở rộng đức lục hòa, luôn luôn có ý chí cầu siêu thoát thế gian. Tại sao mới vừa thọ giới lại xưng ta là Tỳ-kheo, có ý tự cao ngã mạn? Vì thế mà Tổ quở.

Đàn-việt sở tu, khiết dụng thường trụ. Tiêu dùng của thí chủ bao nhiêu cũng không hài lòng, không biết xấu hổ, tiết kiệm, vì xưng ta là Tỳ-kheo nên mặc tình thọ hưởng của thường trụ. Như vậy thật là trái đạo, đã phản bội ý chí siêu thoát rồi. Đã không biết bổn phận lại nghĩ rằng: "Mình thọ giới cao thì có quyền thọ nhận nhiều, mà không biết xấu hổ, không lo nỗ lực tu hành."

Bất giải thổn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hợp cúng. Không biết xét nghĩ của ấy từ đâu đem đến, lại bảo rằng lẽ tự nhiên phải dâng cúng cho mình. Phật dạy Tỳ-kheo ăn cơm phải tam đề ngũ quán. Nhưng thường chúng ta thấy phần đông chỉ quán lấy lệ, chỉ có hình thức bên ngoài chứ chẳng thật tâm quán tưởng. Ngũ quán tức năm điều quán tưởng:

1. Xét công mình tu hành được nhiều hay ít, và xét của ấy từ đâu đem đến cúng dường, xem mình có xứng đáng nhận thọ hay không? Nếu không xứng mà thọ công khó nhọc của người thì mang nợ. Vì thế, chúng ta phải luôn luôn nhớ, hổ thẹn mà cố gắng tu hành làm sao cho xứng đáng.

2. Xét lại đức hạnh của mình, được những điểm ưu nào, còn những điểm khuyết nào để sửa.

3. Xét ngừa tâm tham của mình, không để nó xâm lấn. Giả sử lên bàn ăn thấy toàn rau muống luộc rồi sanh ngán, nghĩ đến món ăn ngon. Như vậy là có lỗi tham ăn. Chúng ta phải nhớ ngừa tâm tham ấy chớ đòi hỏi, ăn sao cũng được miễn sống để tu hành là quý rồi.

4. Nên xem việc ăn uống chỉ là món thuốc để trị bệnh. Như khi đói quá thì tay chân rũ liệt, không muốn nói cũng không muốn đi, đó là bệnh chứ gì? Sau khi ăn vài chén cơm thấy khỏe, vậy cơm là thuốc trị bệnh. Mà đã là thuốc thì dù thuốc đắng thuốc ngọt gì cũng uống, uống cốt để trị bệnh, đừng chê khen gì cả. Nếu chúng ta ăn mà nghĩ ngon dở tức là đã lệ thuộc vào cái lưỡi, chứ không phải ăn để trị bệnh. Nếu ăn để trị bệnh thì dù đắng cay ngon dở gì cũng được, miễn trị được bệnh đói thì thôi.

5. Nghĩ mình tu là quyết định thành đạo nghiệp, tức phải thể nhập bản thể của mình, kế đó thực hành công hạnh viên mãn, cho nên mới thọ món ăn này, chứ chẳng phải no đủ để vui chơi. Nếu nói ăn thứ này bổ để lên cân, ăn thứ kia lâu ngày sẽ sụt ký... Đó là chúng ta vì mập ốm chứ chẳng phải vì đạo nghiệp mà ăn. Chúng ta ăn cốt để tu hành thành đạo độ sanh, đó là ý nghĩa mà Phật bắt phải quán trước khi ăn.

Thế mà hiện nay có người dám tuyên bố trước đại chúng rằng: "Ăn chay đã quá lắm rồi, tại sao lại phải tam đề ngũ quán?" Nghe như vậy tôi cảm thấy thật buồn. Bởi vì chúng ta đã sẵn bệnh buông lung, nếu không hằng xét mình thì dễ bị nghiệp lôi, nên Phật bắt chúng ta trong tất cả hành động đều phải tỉnh giác, không để cho thói xấu xâm nhập. Khi ăn chúng ta khởi tam đề ngũ quán là để xứng với tư cách của người cầu giải thoát. Nếu chúng ta không xét, không nghĩ, vừa ăn vừa cười hỷ hả nói chuyện nhảm nhí thế gian, thì thật là trái đạo.

Có người bảo rằng: Tín đồ cúng là lẽ đương nhiên, tôi tu họ phải cúng cho tôi ăn. Lý luận như vậy thật là không chịu nổi. Họ có thiếu nợ mình đâu mà phải cúng cho mình? Sở dĩ họ cúng là vì muốn châm một ít dầu vào ngọn đèn Tam bảo, để soi sáng thế gian cho mọi người thoát khỏi mê lầm. Vì chúng ta là những người nhân danh Tăng bảo, giữ cho Phật pháp thường còn ở thế gian. Tín đồ giúp chúng ta là muốn cho Phật pháp được lâu dài, để chúng sanh được cứu giúp khỏi dòng sanh tử, chứ chẳng phải họ giúp chúng ta ăn chơi. Nhận của tín thí thì phải đủ tư cách của người giải thoát. Bằng tu mà tính chuyện tầm phào, bắt người cúng dường cho mình là chuyện không thể được. Đó chỉ là lý luận của kẻ si mê lầm lạc.

Khiết liễu tụ đầu huyên huyên, đãn thuyết nhân gian tạp thoại. Ăn xong rồi nhóm ba họp bảy nói chuyện ồn náo, toàn những chuyện tạp nhạp ở thế gian. Tổ quở chúng ta không lo khắc niệm bên trong, ngoài tuyên dương pháp lục hòa mà chỉ nói toàn chuyện thế gian. Tệ đoan ấy hầu như đã lan tràn khắp chùa chiền. Chúng ta ít nghe bàn chuyện giải thoát mà chỉ bàn chuyện lẩn quẩn đâu đâu. Nếu chúng ta cứ bàn chuyện thế gian, mà chuyện thế gian là chuyện trong sanh tử thì làm sao thoát khỏi sanh tử được. Chúng ta phải cố gắng làm sao thoát khỏi dòng sanh tử, để rồi chèo thuyền Bát-nhã cứu vớt chúng sanh, đó mới là bản hoài của người tu.

Nhiên tắc nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân. Song, một thuở đua vui, không biết vui ấy là nhân của khổ. Trong lúc đuổi theo cái vui, ta đâu biết rằng vui ấy

là nhân đau khổ. Hiện tại chúng ta tưởng bàn nói nhảm nhí, cười đùa đó là vui, nhưng đâu ngờ rằng chính đuổi theo cái vui tạp nhạp ấy là nhân khổ sau này. Người chạy theo cái vui sanh diệt thế gian tức không tránh khỏi cái khổ sanh tử ở ngày mai. Nhân sanh diệt tức quả sanh diệt, mà sanh diệt tức khổ não vậy.

Nẵng kiếp tuẫn trần, vị thường phản tỉnh. Nhiều kiếp rồi chúng ta đã chạy theo trần tục chưa từng có phút giây phản tỉnh. Nếu biết phản tỉnh thì đâu đến nỗi phải lang thang trong sáu nẻo luân hồi bao nhiêu kiếp, rồi nay lại bị nghiệp lôi cuốn mà sanh ra đây nữa? Nếu vì nguyện độ sanh mà có ra đây thì đâu có mê muội thế này? Đã trôi giạt tự bao lâu nay mà không chịu thức tỉnh, cứ chạy theo cái vui thế tục ấy, thì biết bao giờ mới thoát khỏi luân hồi? Ngay đây, chúng ta phải cố gắng đừng chạy theo ngoại cảnh sanh diệt mà hằng tỉnh giác luôn luôn.

Thời quang yểm một, tuế nguyệt sa đà. Thời giờ mất mát, năm tháng dần dà. Ý nói chúng ta không biết phản tỉnh, buông mặc cho thời gian trôi qua, thật đáng tiếc!

Thọ dụng ân phồn, thí lợi nùng hậu. Đây là lời cảnh tỉnh lớn lao của Tổ. Nếu chúng ta thọ nhận của thí chủ càng nhiều thì thí chủ được lợi lớn, mà mình thì bị tổn giảm.

Kinh A-hàm có đoạn nói: Một hôm ngài A-nan nằm mộng thấy có một cái hầm lớn, dưới hầm toàn là người tu, trên miệng hầm có một tấm ván bắc ngang,

những người cư sĩ thong thả qua lại trên ấy. Bấy giờ ngài A-nan mới đem điềm chiêm bao nhờ Phật giải thích, Phật dạy: "Sau này đệ tử của ta không biết giữ gìn giới pháp, chẳng gắng tu hành, thọ dụng của thí chủ quá nhiều mà không tu nên phải đọa, tức rơi xuống hầm. Còn những người thí chủ phát tâm làm phước cúng dường nên được sanh lên cõi lành, đó là hình ảnh của những người qua lại trên cầu."

Chúng ta tu là để độ thí chủ, đằng này trái lại người tu đi xuống, thí chủ đi lên, như vậy có tủi không? Họ phát tâm cúng dường thì họ có phước, còn mình không chịu tu thì họa tự mang. Chúng ta phải nên nhớ kỹ điều này.

Ở đây Tổ muốn dạy, nếu chúng ta được nhiều người dâng cúng, rồi cho là mình có phước, ỷ lại vào phước báu, buông lung xài lớn, không biết xét nét, chẳng kể nỗi khó khăn khổ nhọc của đàn-na, thọ dụng càng nhiều thì thí chủ càng được lợi mà chính mình càng bị tổn hại. Thí như người mài dao và viên đá mài. Dao của người mài càng ngày càng bén, mà đá bị mài càng ngày càng mòn. Thí chủ dụ cho con dao được mài, người tu chẳng khác nào viên đá. Dao càng mài càng bén, còn viên đá thì mòn. Thế nên, đừng tưởng người ta cúng nhiều là vinh hạnh, mà phải thấy đó là tiêu mòn phước đức của mình.

Nói như vậy chúng ta có nên thọ cúng không hay nên tự túc? Đây là chỗ cần chú ý. Có lắm người nghe nói như vậy liền nghĩ: Mình phải tự làm để ăn, rảnh lúc nào tu lúc nấy cho khỏi thọ của tín thí, khỏi mang tội, trầm luân. Lý luận như vậy có đúng không? Hình như đa số

chấp nhận là đúng. Chúng ta nên cẩn thận, phải hiểu cho tường tận điều này để không quanh quẩn lầm lạc. Đạo Phật chủ trương đi tu là làm khất sĩ, tức kẻ ăn mày. Ăn mày đây là cốt gây duyên lành cho chúng sanh, chứ không phải vì muốn rúc rỉa khiến cho người phải khổ. Bởi vì muốn độ người thì một là mình ban ơn cho họ, hai là họ ban ơn cho mình, đó là kết duyên với nhau. Nếu mình và người không liên hệ gì thì khó mà độ được. Vì là người tu, chúng ta không có của cải để ban ơn cho họ, thì trước mình nhận ơn của họ bằng cách thọ đồ cúng dường, nhưng sau đó mình phải đem giáo pháp của Phật mà bố thí lại. Như thế họ giúp mình cơm áo, mình giúp họ đạo lý, tuy một mặt mình thọ ơn, nhưng một mặt cũng ban ơn. Như vậy trên đường tu tuy thấy mình như thiếu nợ mà thật sự không thiếu.

Điều này Phật đã nói rõ trong kinh A-hàm qua câu chuyện Di mẫu xin xuất gia. Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề xin Phật xuất gia, Phật không cho. Bà rất buồn khổ. Thấy vậy ngài A-nan bạch Phật: "Thuở xưa, Thế Tôn sanh ra mới bảy ngày, mẫu hậu đã mất. Từ đó một tay Di mẫu nuôi nấng Thế Tôn cho đến lớn khôn, biết bao nhọc nhằn vất vả. Bây giờ bà xin xuất gia mà Phật không cho, chẳng lẽ Ngài không nhớ ơn sao?" Phật trả lời: "Chính vì nhớ ơn mà ta đã dạy bà thọ Tam quy Ngũ giới, thế cũng đủ để trả ơn rồi." Chúng ta thấy cách trả ơn của người tu không phải là đem tiền tài đáp lại, mà làm sao khiến người biết đạo, mến đạo rồi phát tâm tu hành, đó gọi là đền ơn. Thí chủ giúp ta tài sản, ta giúp lại bằng pháp.

Giả sử nay thọ nhận của người mà chưa từng bố thí pháp cho họ, lỡ họ chết mất chúng ta có nợ họ hay không? Nếu nợ thì làm sao trả? Nên ý thức rằng chúng ta là kẻ nợ tất cả chúng sanh, chẳng phải nợ riêng người cúng dường ta mà thôi. Vì sao? Vì khi tuyên bố xuất gia tức là đã gánh vác cái nợ lớn lao của toàn thể chúng sanh rồi. Bản nguyện của người xuất gia là tự cầu giải thoát và cứu độ chúng sanh, nguyện đưa chúng sanh ra khỏi biển trầm luân, cho nên ai cũng là chủ nợ của mình hết. Vì thế mà tôi dám tuyên bố một câu mạnh mẽ rằng: Tôi là kẻ nợ của tất cả. Song, lười trả lắm. Ai biết đòi mới trả.

Tuy nhiên, nợ của người tu khác người thế gian. Thế gian nợ thì họ kéo lưng, níu áo. Nợ của người tu thì chuyển làm thầy trò. Phật tử cúng dường tăng ni, nếu họ chưa được độ trong hiện tại thì ở vị lai sẽ được độ, vì đã có gieo duyên với Tam bảo. Đã có duyên thì thế nào cũng gặp nhau qua nghĩa thầy trò, cứu vớt ra khỏi luân hồi sanh tử. Thế nên, nếu là kẻ thật tu, quyết chí cầu giải thoát thì nợ của thí chủ bao nhiêu cũng không sợ, vì đó là gieo duyên để độ người.

Chỉ những ai nhát nhúa muốn an phận mới sợ lẽ đó. Họ nghĩ rằng: Mình làm tự túc sống, chẳng dính dáng gì đến ai. Phật gọi đó là ích kỷ chứ không phải vì chúng sanh. Nói tóm lại nợ hay không nợ cũng tại nơi mình. Chúng ta có thể là kẻ nợ chịu nhiều thống khổ nếu chúng ta không thật tu hành, không nhất tâm cầu giải thoát. Ngược lại, chúng ta có thể là người độ thoát chúng sanh nếu quyết chí tu hành giải thoát.

Có lắm người quan niệm phải tu gấp, nguyện sanh về Cực lạc yên ổn hơn để tu nữa, còn trở lại Ta-bà khổ quá tu không được. Lý luận này rất hay đối với người không nghĩ rằng mình là kẻ nợ của chúng sanh. Nhưng với người có tâm niệm dũng mãnh, thệ nguyện cứu vớt chúng sanh thì không như thế, mà lại đi theo con đường Bồ-tát đạo. Như ngài Địa Tạng nguyện nếu địa ngục chưa hết tội nhân, ngài thề không thành Phật. Hoặc như ngài A-nan nguyện nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, ngài sẽ không nhập Niết-bàn. Chúng ta là Phật tử, học giáo lý Đại thừa, nên nguyện ở nơi cõi Ta-bà độ hết chúng sanh.

Chúng ta đừng thấy trong sử ghi có những vị thiền sư đời sau trở lại làm quan, làm vua hay làm người nữ... như trường hợp ông Tô Đông Pha, cho đó là lui sụt. Đâu không nhớ trong kinh Phổ Môn nói: "Ưng dĩ tể quan thân đắc độ giả, tức hiện tể quan thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Phạm vương v.v..." Bồ-tát luôn luôn tùy theo nguyện cầu độ của chúng sanh mà hiện ra các hình tướng để độ, đó là tùy nguyện độ tha, chứ chẳng phải lui sụt.

Có một số người lầm lẫn sợ sệt, kiếp này không độ được thí chủ thì làm sao đây? Mình đã nguyện tự giác và độ hết chúng sanh mới thành Phật đạo, thì có gì phải sợ, chỉ sợ chúng ta không dũng mãnh tiến tu. Vì thế các thiền sư thường nói: "Dù thọ mỗi ngày một lượng vàng ròng cũng chẳng sao." Song, chúng ta cũng có thể đọa dù thọ nhận rất ít, nếu chúng ta buông lung tâm ý chẳng tự giác ngộ.

Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly. Tích tụ tư đa, bảo trì huyễn chất. Trải qua nhiều năm mà chẳng nghĩ lìa bỏ, chứa nhóm nhiều như thế chỉ để bảo trì thân hư giả. Thân này tự tánh là không, duyên hợp giả có, thế mà trong chùa khi được đủ gạo ăn lại muốn có thêm tiền, để uống thuốc, đi xe, tiêu xài... cứ thế lo hoài, lo mãi cho thân này mà sự tiến tu thì không có. Chẳng khác người thế gian, lo cho có sự nghiệp lớn lao, chợt khi vô thường đến ăn năn không kịp, thật là đáng tiếc.

Vì thế chúng ta phải hằng thức tỉnh, hãy nhớ hình ảnh đức Phật khi xưa, một bình bát trên tay, vào xóm làng khất thực. Được cúng dường thì ăn, không được thì về ngồi thiền, hôm sau lại đi khất thực. Chẳng riêng gì Phật, mà chư tăng cũng đều như thế. Các ngài sống không lo ngày mai, chỉ nghĩ đến giải thoát. Chúng ta vì lo ngày mai, tháng tới, năm sau... cho nên quên mất chuyện giải thoát. Chúng ta bây giờ không thể theo hạnh khất thực như xưa mà phải tìm kế sống, nhưng phải sống thế nào cho hợp lẽ. Đừng để tâm rối loạn không an định, mà việc tu hành khó tiến bộ. Đây là chỗ cần yếu phải ghi nhớ.

Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỳ-kheo. Tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc. Đạo sư là chỉ đức Phật. Ngài dạy: Các Tỳ-kheo muốn tiến tu đạo nghiệp, trang nghiêm pháp thân thì ba việc thường chẳng đủ. Ba việc là ăn, mặc và ngủ. Chẳng đủ là hơi thiếu một chút, chứ không phải không ăn, không mặc, không ngủ. Đôi khi chúng ta hiểu lầm, nghe nói chẳng đủ rồi thức hoài không ngủ, hoặc nhịn đói không ăn... đó là bệnh. Người thế gian thì

ngày ba bữa lại thêm các món ăn chơi. Chúng ta buổi sáng ăn sơ sài gọi là tiểu thực. Trưa ăn đầy đủ một chút gọi là ngọ trai. Chiều uống chút bột để ngồi thiền khỏi xót ruột, ấy là thiếu. Thiếu một chút để tiến đạo nghiêm thân. Thế gian thì quần này áo nọ, chúng ta chỉ cần ấm thân thôi. Người thế gian ngủ tám tiếng mới đủ sức khỏe, chúng ta ngủ khoảng sáu tiếng thôi. Ăn, mặc, ngủ đều bớt thì sự tu hành mới dễ tiến.

Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ. Người ta đa số suốt cuộc đời đối với ba việc ăn, mặc, ngủ thường mê thích không thôi. Ngày qua tháng lại, sực nhớ thì tóc đã bạc rồi. Nhiều người nói có vẻ cao thượng, nào là lo cho gia đình, xã hội v.v... nhưng chung quy cũng vì bản thân mình, cũng vì cái ăn. Nói thế nghe tầm thường quá, song xét lại thấy trên thế giới này, người ta đã gieo rắc bao thống khổ cho nhau, cũng chỉ vì miếng ăn mà ra. Nhân loại vì tranh ăn mà phải đắm chìm trong chiến tranh khổ não, chẳng những riêng loài người mà tất cả chúng sanh đều như thế. Chúng ta là người thức tỉnh thì phải khác hơn. Nếu cứ mải lo ăn mặc ngủ mà không chịu tiến tu thì thật đáng hổ thẹn!

Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri, tương vị xuất gia, quý cầu y thực. Đến đây Tổ quất cho một roi đau điếng. Những người học đạo sau này nếu chưa nghe, chưa hiểu lý đạo thì nên rộng hỏi những vị biết trước mình, để chỉ bày cho mình rõ đạo lý, chứ không phải suốt ngày chỉ lo ăn mặc ngủ, đến già chẳng hiểu mảy may. Nếu như thế sẽ bị bảo là người xuất gia

chỉ vì cầu ăn mặc chẳng ích chi cho mình, cũng chẳng lợi cho người. Vì thấy người tu không ý thức bổn phận của mình, nên ngài quở trách để chúng ta ráng vươn lên, đừng mãi lẩn quẩn trong vòng ăn mặc như người đời, mà mất hết đạo nghiệp.

Âm:

Phật tiên chế luật khải sáng phát mông. Quỹ tắc oai nghi tịnh như băng tuyết. Chỉ trì tác phạm thúc liễm sơ tâm, vi tế điều chương cách chư ổi tệ. Tỳ-ni pháp tịch tằng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa khởi năng chân biệt. Khả tích nhất sanh không quá, hậu hối nan truy. Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhân khế ngộ.

Dịch:

Phật trước tiên chế luật để mở mang hạng sơ cơ. Phép tắc oai nghi sạch như băng tuyết. "Chỉ trì tác phạm" để kìm thúc kẻ sơ tâm, điều luật chi li để cải sửa những điều dở tệ. Trường giới luật chưa từng học hỏi thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao lãnh hội? Đáng tiếc, một đời luống qua, sau rồi ăn năn đâu kịp. Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền nhân đâu khế ngộ?

Giảng:

Phật tiên chế luật khải sáng phát mông. Tổ dạy chúng ta muốn tu học đúng tư cách người tu phải đầy đủ ba môn học: giới, định, tuệ. Trước, Phật chế luật để mở mang chỉ bày cho kẻ sơ cơ.

Quỹ tắc oai nghi tịnh như băng tuyết. Chúng ta mới thọ giới thì bao nhiêu oai nghi giới luật Phật chế ra phải cố giữ gìn đúng đắn, trong sạch như băng tuyết.

Chỉ trì tác phạm thúc liễm sơ tâm. Thế nào là chỉ trì, tác phạm? *Chỉ* là trì, là gìn giữ; *tác* là phạm. Như trong năm giới của người tại gia, giới thứ nhất là không được sát sanh. Không sát sanh gọi là trì giới, có nghĩa là ngưng việc ấy không làm, tức *chỉ trì*. Còn nếu làm việc ấy gọi là phạm giới, tức *tác phạm*. Vì người mới vào đạo, tâm còn buông lung nhiều nên phải nhờ giới luật để kìm chế, chẳng khác nào dùng lồng để nhốt con khỉ không cho nó chạy nhảy tứ tung. Đây gọi là *thúc liễm sơ tâm*.

Vi tế điều chương cách chư ổi tệ. Vi tế điều chương là những phần giới luật nhỏ nhiệm. Thí dụ giới của Phật tử tại gia, Phật cấm năm điều; còn giới Sa-di đến mười điều. Mười giới này nhỏ nhiệm hơn năm giới trước, như giới không đeo tràng hoa, ướp nước hoa. Việc làm này có hại ai đâu, nhưng sao Phật lại cấm? Vì đối với Phật tử tại gia Phật chỉ cấm tà dâm, còn đối với hàng xuất gia Phật cấm hẳn việc dâm dục. Nếu còn đeo tràng hoa, ướp nước hoa, còn trang sức, tức nói lên lòng ái nhiễm vẫn còn. Lòng ái nhiễm còn thì tuy giới thô không phạm, nhưng ái vi tế trong tâm có phạm. Lỗi tế không tránh được thì lỗi thô một ngày nào đó có thể sẽ phạm. Phật muốn người xuất gia không phạm giới thô mà cả giới tế cũng không phạm, nên mới chế ra những điều luật nhỏ nhiệm. Tu càng cao thì giới càng vi tế, cốt để tẩy sạch những tâm niệm xấu xa. Như khi mình ăn mặc

nhơ bẩn thì thấy mình cũng tầm thường thôi, nhưng khi ăn mặc sang trọng, ướp nước hoa thơm phức thì lúc đó thấy mình sang đẹp quá. Chính khi khởi niệm đẹp và sang trọng là nhiễm ái đã sanh. Cho nên chúng ta đừng coi thường những giới luật Phật chế ra, cho rằng không có gì hại lắm. Sở dĩ Phật cấm là để ngừa tâm ái nhiễm, để chúng ta hằng xét lại mình vậy.

Tỳ-ni pháp tịch tằng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa khởi năng chân biệt. Tỳ-ni là luật, *pháp tịch* là hội nghe pháp. Câu này ý nói trường giảng luật chưa từng đến thưa hỏi thực hành, thì đối với liễu nghĩa thượng thừa làm sao rành rẽ được. Chúng ta bước chân vào đạo, trước phải lấy giới luật làm sợi dây để cột tâm buông lung vọng tưởng phần nào, kế đó mới đem những giáo lý cao siêu ra ứng dụng tu hành để thoát khỏi mê lầm. Vì thế, ở đây tuy là thiền viện, song cũng phải giữ tối thiểu mười giới làm căn bản. Có nhiều vị cho rằng tu thiền cần gì giữ giới? Quan niệm của tôi thì không như vậy. Nếu tâm chúng ta được nhất như thì giới luật cũng bằng thừa. Nhưng tâm còn xao động, đang chạy theo sáu trần mà không có giới luật thì làm sao ngăn nó nổi? Giới luật chẳng khác nào hàng rào có cổng khóa đàng hoàng, bên trong khó ra, ngoài cũng khó vào, nhờ vậy hạn chế được tâm phóng túng. Sau đó mới học cách tọa thiền ngồi yên một chỗ.

Đến khi nào tất cả trong chúng đây tâm tâm niệm niệm lúc nào cũng ứng dụng Bát-nhã, dùng Bát-nhã chiếu soi chẳng phút giây quên, hoặc hằng sống với tâm

nhất như không bao giờ loạn động, thì lúc đó hàng rào giới luật cũng bằng thừa. Nếu tâm còn loạn, ngồi lại nhớ người này, nghĩ việc nọ, nên cần phải có hàng rào để ngăn chặn bớt những nghĩ tưởng xằng bậy. Muốn đạt đến chỗ cao siêu trước phải lấy giới luật làm căn bản lúc sơ cơ, sau ứng dụng liễu nghĩa thượng thừa mới dễ thành tựu.

Khả tích nhất sanh không quá, hậu hối nan truy. Đáng tiếc một đời luống qua, về sau hối hận khó kịp. Nếu chúng ta vào chùa mà cứ chạy theo ăn mặc, ngủ nghỉ, không học luật cũng chẳng hiểu đường lối tu hành, cứ để một đời trôi qua, sau ăn năn không kịp. Vì thế, ngay khi còn khỏe mạnh đầy đủ sức lực, chúng ta phải nghĩ đến sự giải thoát cho chính mình và cứu độ chúng sanh mà nỗ lực tiến tu. Như vậy sống bốn mươi, năm mươi tuổi thôi cũng có giá trị. Trái lại dù sống đến trăm tuổi cũng không có ý nghĩa gì.

Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhân khế ngộ. Giáo lý chưa từng học hỏi huân tập, thì huyền đạo làm sao mà khế ngộ được. Ở trước, Tổ quở chúng ta không học luật giữ giới, đến đây quở không học giáo lý. Bởi vì có lắm người cạo tóc xuất gia vào chùa, chỉ lấy việc tụng kinh, công quả bình thường cho là tròn bổn phận, đâu ngờ đó chỉ là việc lơ láo qua ngày. Đến phút tắt hơi mới thấy mình mờ mịt chẳng rõ lối đi. Vì thế, người có chí xuất gia trước phải hiểu rành luật lệ của Phật dạy, kế đến hiểu sâu giáo lý thì mới mong tiến trên con đường cao siêu giải thoát. Chữ "huyền đạo"

có nghĩa giáo lý cao siêu của Phật, mà cũng có nghĩa là tông chỉ của thiền tông. Tu học có ba môn then chốt là giới, định và tuệ. Người vào đạo không thể thiếu được, thiếu ắt không rõ đường đi.

Âm:

Cập chí niên cao lạp trưởng, khống phúc cao tâm, bất khẳng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo. Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô, hoặc đại ngữ cao thanh, xuất ngôn vô độ. Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà-la-môn tụ hội vô thù, oản bát tác thanh thực tất tiên khởi. Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô, khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm. Bất tồn ta ta quỹ tắc, tiểu tiểu oai nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu.

Dịch:

Đến lúc tuổi đời đã cao tuổi hạ cũng lớn, mà bụng rỗng tâm cao, chẳng chịu nương gần bạn lành, chỉ biết một bề kiêu ngạo. Chưa thông kinh luật, sự thúc liễm trọn không, hoặc lớn tiếng to lời, nói năng vô độ. Chẳng kính thượng trung hạ tọa, khi tụ họp giống Bà-la-môn không khác, khua bát ồn ào, ăn rồi đứng dậy trước. Đi đứng ngang tàng, tăng thể trọn không, ngồi đứng lăng xăng, khiến người động niệm. Chẳng gìn mảy may phép tắc, chút chút oai nghi, lấy gì thúc liễm hậu sanh, tân học nương đâu bắt chước?

Giảng:

Cập chí niên cao lạp trưởng, khống phúc cao tâm. Tổ quở người xuất gia mà không chịu học đạo, nên mắc phải lỗi lớn "bụng rỗng tâm cao", tức là ngã mạn. Nghĩ mình ở chùa lâu nên xem thường những người mới xuất gia, trong khi mình thì bụng trống.

Bất khẳng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo. Không chịu gần gũi những bằng hữu tốt, chỉ biết một bề kiêu ngạo. Tuy ở chùa lâu mà không hiểu rành kinh luật, không rõ đường lối tu hành, nhưng lỡ lớn tuổi rồi nếu học với người nhỏ thì mắc cỡ, còn đi học với người khác thì sợ đệ tử cười, nên chỉ ôm lòng ngạo nghễ chứ không chịu gần gũi học hỏi với ai hết.

Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô. Vì chưa hiểu pháp, không thông luật nên không biết phương cách để tự thúc liễm. Do không biết thúc liễm lấy mình, nên lớn tiếng to lời xuất ngôn vô độ. Lớn tiếng to lời, nói năng vô độ. Tổ quở những người xuất gia nói năng không biết dè dặt chừng mực, muốn nói gì thì nói không có đức độ khiêm nhường... Lỗi do không chịu học luật nghe pháp vậy.

Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà-la-môn tụ hội vô thù. Không biết kính những bậc thượng trung hạ tọa, lúc tụ họp giống Bà-la-môn không khác. Khi xưa, các vị Bà-la-môn mỗi khi tụ họp thường không có thứ tự, gặp đâu ngồi đó, không biết kính người lớn cũng chẳng tôn trọng người đức hạnh. Trong đạo Phật thì không như thế, người giới đức lớn ngồi trên, người giới đức nhỏ hơn ngồi dưới.

Vì sao đạo Phật chủ trương bình đẳng mà lại có sự phân chia cao thấp, thứ lớp như vậy? Phật nói bình đẳng là bình đẳng trên lý nhân quả, chứ không phải bình đẳng là ngang bằng ai cũng như ai. Người nào có nhân tốt hơn tức được quả tốt hơn. Thí dụ có hai ông thợ rèn, một ông chỉ rèn năm con dao thì được năm chục đồng, ông kia cần mẫn hơn rèn được bảy con dao thì được bảy chục đồng, nhân như thế nào thì quả như thế ấy, đó là bình đẳng.

Chủ trương của đạo Phật là như vậy, căn cứ trên nhân quả sự sắp đặt có sai biệt, tuy sai biệt mà bình đẳng, bình đẳng mà sai biệt. Một vị tu mười năm có giới đức, phải trên người chỉ tu bảy năm, tùy theo nhân quả đoán định. Nhưng vì không hiểu, nên cứ chấp vào hai chữ bình đẳng rồi thấy trong chùa bất bình đẳng. Nếu chúng ta không học giới luật, không biết đạo thì làm sao biết kính người có đức hạnh, do đó khi tụ hội chẳng có thứ lớp, giống hệt Bà-la-môn vậy.

Oản bát tác thanh, thực tất tiên khởi. Khi ăn khua chén bát rổn rảng, lua húp ào ào, ăn xong buông chén đứng dậy đi, không có trật tự, không chờ đợi ai hết.

Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô. Đi đứng trái lẽ, ngang tàng không đúng pháp, không đủ tư cách của một vị tăng.

Khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm. Thuở xưa ở các thiền viện Trung Hoa, thiền đường hay tăng đường là chỗ ở của chư tăng, kê giường san sát nhau để nằm nghỉ. Khuya đến giờ thức chúng, toàn chúng đều thức dậy

ngồi thiền trên đơn của mình. Ngồi thiền phải ngồi cho hết giờ, không được nửa chừng xả ra đứng dậy, vì sợ khua lộp cộp làm động niệm người bên cạnh.

Bất tồn ta ta quỹ tắc, tiểu tiểu oai nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu. Không còn một chút phép tắc, một mảy may oai nghi thì lấy gì dạy dỗ kẻ sau, người mới học nương đâu bắt chước. Bởi tự mình đã không tư cách, nên có những hành động thô tháo như trên, làm sao dạy dỗ người khác được?

Âm:

Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn tăng, vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo. Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần, nhẫm nhiễm nhân gian, toại thành sơ dã. Bất giác lủng chủng lão hủ, xúc sự diện tường, hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn. Túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương, hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phẫn khởi, ngôn ngữ cai nhân.

Dịch:

Vừa mới được người cảnh giác, liền xưng ta là sơn tăng, chưa nghe lời Phật dạy để hành trì, cứ một bề giữ tánh thô tháo. Sở dĩ thấy biết như vậy, chỉ vì tâm ban đầu biếng nhác, theo thói ham ăn mê ngủ, dần dà theo đời hóa thành thô kệch. Chẳng hay lóng cóng yếu già, gặp việc xây mặt vào vách, hậu học thưa hỏi, không biết lời chỉ hướng dẫn. Dẫu

có giảng nói, cũng không hợp với kinh điển, nếu bị khinh chê, liền trách hậu sanh vô lễ, tâm sân nổi dậy, lớn tiếng nạt người.

Giảng:

Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn tăng. Ở Trung Hoa tăng sĩ có hai thành phần: Một là những vị sư ở kinh đô, vì gần vua và dân chúng đông đảo nên giữ oai nghi nghiêm chỉnh. Hai là những vị sư ở núi, ít người lai vãng nên tự do, không giữ gìn oai nghi. Tổ quở, mới vừa được người nhắc nhở liền xưng "ta là sơn tăng", mà không chịu nhận lỗi để sửa, đó là lỗi chồng thêm lỗi.

Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo. Bởi chưa từng nghe lời Phật dạy để tu hành, nên lòng còn giữ một bề thô tháo, chỉ tính toàn chuyện thế gian, tuy xuất gia mà chẳng chút hợp đạo.

Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhân tuần. Sở dĩ thấy biết như vậy, chỉ vì ban đầu lười biếng, không chịu học kinh luật, chẳng biết tu hành, chỉ lo ăn ngủ. Thật là tệ hại!

Nhẫm nhiễm nhân gian, toại thành sơ dã. Dần dà theo đời, hóa thành quê kệch. Hai câu này nếu dịch thoát một chút, có thể nói là "xách dù đi lang thang, chuyên đến những nhà thế tục, bèn thành kẻ quê mùa". Vì mãi đi lang thang xóm này làng nọ, thời giờ đâu mà học hỏi giáo lý, thời giờ đâu mà thúc liễm thân tâm? Nói đến đạo lý thì mù tịt, không phải quê mùa dốt nát là gì?

Bất giác lủng chủng lão hủ, xúc sự diện tường, hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn, túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương. Bất chợt già lụm cụm đến, gặp việc liền xây mặt ngó vào vách, hậu học thưa hỏi không có lời gì tiếp dẫn, nếu có nói ra cũng không phù hợp kinh điển. Vì ở chùa lâu nên được tôn xưng là Thượng tọa, Sư bà; bấy giờ được người thưa hỏi thì không biết gì để giải đáp. Có khi túng quá, không nói sợ bị chê cười nên nói đại nói càn.

Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phẫn khởi, ngôn ngữ cai nhân. Hoặc bị khinh chê, liền trách hậu sanh vô lễ, tâm sân nổi dậy, lớn tiếng át người. Kẻ hậu sanh thấy mình tu lâu, tưởng là thông suốt nên đến thưa hỏi, chẳng ngờ đáp không đúng, bị hậu sanh hỏi: Thầy nói vậy e lầm chăng? Vừa nghe liền nổi giận trách, hậu sanh vô lễ, tâm sân đã khởi bèn mắng nạt đuổi đi. Đó là Tổ quở trách khuyết điểm của người xuất gia không lo tu học.

Âm:

Nhất triêu ngọa tật tại sàng, chúng khổ oanh triền bức bách, hiểu tịch tư thổn, tâm lý hồi hoàng, tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng. Tùng tư thủy tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi, tự hận tảo bất dự tu, niên vãn đa chư quá cữu.

Dịch:

Một mai bệnh nằm trên giường, mọi thứ đau đớn đoanh vây bức bách, sớm tối lo nghĩ, trong lòng lo sợ bồi hồi, đường trước mịt mờ chưa biết về đâu.

Bấy giờ mới biết hối hận ăn năn, đợi khát đào giếng sao kịp? Hận mình sớm chẳng lo tu, đến lúc tuổi già nhiều điều tội lỗi.

Giảng:

Tổ dùng lời thật thống thiết. Một hôm đau nặng nằm liệt trên giường, lúc ấy các khổ dồn đến ép ngặt, thân thể đau nhức, cổ họng tắt nghẽn... chừng ấy mới suy nghĩ lại, mấy chục năm nay mình đã làm gì, tu tiến thế nào, có lợi ích cho ai không? Chỉ thấy toàn là con số không. Bấy giờ trong tâm hoảng sợ, đường trước mịt mờ nào biết về đâu? Thật là quá khổ! Chừng ấy mới biết ăn năn nhưng đã muộn rồi, đợi đến khát nước mới lo đào giếng thì làm sao kịp. Cho nên những người còn trẻ có duyên tốt xuất gia, lại may mắn gặp những nơi giảng kinh dạy đạo, phải ráng nỗ lực học hỏi tu hành, có như vậy khả dĩ mới tránh khỏi lỗi lầm này.

Âm:

Lâm hành huy hoắc, phạ bố chương hoàng, hộc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp. Như nhân phụ trái, cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụy.

Dịch:

Khi sắp rời bỏ cuộc đời sự sống tan rã nhanh chóng, trong lòng khiếp sợ kinh hoàng, giống như lụa thủng chim bay, tâm thức theo nghiệp. Như kẻ mắc nợ, ai mạnh kéo trước, trong tâm nhiều mối, nặng đâu sa đó.

Giảng:

Hộc xuyên tước phi, tức là lụa thủng chim bay. Như trong cái hũ có con chim, bên ngoài lấy lụa bịt miệng hũ lại, nếu tấm lụa thủng thì chim sẽ bay ra chỗ đó. Cái hũ bịt miệng là dụ cho thân tứ đại của chúng ta. Khi thân sắc uẩn hư hoại, tâm thức liền tùy nghiệp mà đi, nghiệp nào nặng thì lôi đi trước.

Đối với người thường không biết tu hành chỉ lo chạy theo danh lợi, khi sắp chết họ tự kiểm điểm thấy mình không có phước đức, nên tâm hoảng sợ không biết sẽ ra sao, đi về chỗ nào? Tâm hãi hùng, tay chân co rút, không thể tự chủ. Phật dạy người tu khi sắp chết phải tự chủ được mình. Người tu pháp môn niệm Phật thì niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, khi chết sẽ vui tươi vì thấy Phật đến rước. Người tu pháp môn trì chú thì nhớ trì câu chú, còn người tu thiền thì sao? Nếu người tham thiền đã thấy tánh đạt đạo, đầy đủ nghị lực thì khi chết không có gì sợ hãi.

Như ngài Tuệ Trung thượng sĩ, khi có người hỏi đối với vấn đề sanh tử ngài nghĩ sao? Ngài đáp:

Trường không túng sử song phi cốc,
Cự hải hà phòng nhất điểm âu.

Dịch:

Giữa trời phỏng có đôi vành chuyển,
Biển cả ngại gì hòn bọt con.

Với hư không vô cùng vô tận thì hai vành xe trong ấy nào có nghĩa gì, một hòn bọt nào có đáng gì với biển cả

mênh mông. Hai vành xe dụ cho sanh tử, khi đã thể nhập pháp thân thì vấn đề sanh tử trở thành vô nghĩa. Pháp thân chẳng khác nào biển cả, sắc thân huyễn hóa tợ như hòn bọt, bọt tan trở về biển có gì lo sợ. Chỉ ngại chúng ta biết bọt mà không biết biển thì mới lo sợ. Vì thế các thiền sư đối với vấn đề sanh tử xem như trò chơi, sống chết chẳng bận lòng. Lúc đó đã xong, cần gì phải nghĩ mình đi đâu.

Tổ Quy Sơn khi sắp tịch, có người hỏi:

- Hòa thượng sau khi tịch về đâu?

Ngài đáp:

- Ta sẽ làm con trâu dưới núi, trên lưng có đề "Quy Sơn tăng Linh Hựu", khi ấy gọi Quy Sơn là phải, hay gọi con trâu là phải?

Ngài Nam Tuyền cũng nói tương tự như vậy. Chúng ta chưa thông hiểu lý thiền, nghe chuyện này ắt hoảng hốt sanh nghi. Các ngài tu hành bao năm đã được tôn làm Tổ, mà chết còn làm trâu thì tu hành như mình chẳng biết sẽ ra sao? Thông thường chúng ta quan niệm, người tu chết về cõi Phật hoặc thành thánh, ai ngờ ngài nói sẽ làm con trâu. Nên biết, các ngài nói thế là cốt để phá chấp phàm thánh mà thôi. Chúng ta lúc nào cũng thấy trên là thánh dưới là phàm, nên muốn bỏ phàm theo thánh, nhưng đối với những vị đạt đạo thì thấy phàm thánh không hai, đó chỉ là phương tiện giả lập trong vòng tương đối. Đã thấy không hai thì nói gì cũng được.

Bọt tan về biển chớ hỏi về đâu, vừa khởi nghĩ hỏi là đã sai rồi. Còn có chỗ về, tức là còn làm hòn bọt trôi giạt đông tây. Nếu chúng ta đã gột sạch bản ngã, dứt tâm phàm thánh thì lo gì, chỉ ngại không dứt được mà thôi. Việc này không phải chỉ thiền sư nói như vậy, mà chính đức Phật cũng đã từng giải thích vấn đề này. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo chứng A-la-hán tịch, một Tỳ-kheo khác hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này sau khi tịch sẽ đi về đâu?

Phật đáp:

- Như củi hết lửa tắt.

Thật đơn giản! Củi hết thì lửa tắt. Củi dụ cho nghiệp, lửa dụ sanh tử. Bậc A-la-hán dứt sạch nghiệp thì đâu còn sanh tử, nên nói như củi hết lửa tắt, tức đã giải thoát.

Khi đức Phật còn tại thế, có người hỏi sau khi ngài tịch rồi là còn hay không còn? Phật đều không đáp, vì đó là câu hỏi vô lý. Tại sao vô lý? Bởi theo quan niệm thế gian thì hoặc có hoặc không. Nếu có thì phải có hình tướng, nếu không thì là không ngơ, cho nên Phật không đáp còn hay không. Nếu đáp còn thì người ta sẽ nghĩ đến hình tướng thế này thế nọ, nếu đáp không họ sẽ tưởng là không ngơ.

Chúng sanh luôn thấy có hai, bậc giác ngộ thì không còn thấy hai. Một khi thể nhập pháp thân rồi thì trùm khắp pháp giới, tùy duyên ứng hóa không hạn cuộc nơi chốn, không thấy đi cũng không thấy có chỗ để đi,

đây mới thật là giải thoát. Vì vậy hỏi các ngài sau khi tịch đi về đâu là điều vô lý. Chỉ những người còn lẩn quẩn trong dòng sanh tử, Phật mới thọ ký cho họ sau khi chết sẽ về chỗ nào, tùy theo nghiệp của mỗi người, còn chỗ đi là còn luân hồi trong lục đạo. Điểm thiết yếu của người tu là đến chỗ vô sanh, vô sanh tức Niết-bàn. Niết-bàn không hình tướng, nhưng không phải là không ngơ. Nói không ngơ là rơi vào đoạn, nói có tướng tức lạc vào thường. Chấp đoạn chấp thường đều là bệnh.

Thế gian cho rằng mọi người đều riêng có một linh hồn, gọi là tánh linh, khôn ngoan sáng suốt. Sau khi chết linh hồn sẽ sanh trở lại và chấp chặt cho linh hồn đó là mình. Đã là linh hồn khôn ngoan sáng suốt thì sao lại chịu đi vào nơi khổ? Đạo Phật gọi đây là tâm thức. Tâm thức này tùy theo chỗ huân tập thiện ác mà đến, chứ không cố định. Nó không phải là cái khôn ngoan biết lựa chọn, chỉ tùy theo nghiệp mà đi. Tâm thức khác linh hồn chỗ đó. Nếu nói linh hồn, tức là chấp có cái duy nhất cố định thì thiện ác mãi mãi không thay đổi, nhưng tâm thức luôn luôn biến chuyển, gần người lành hấp thụ điều lành, gần kẻ ác hấp thụ điều ác. Như vậy, tâm thức là một dòng thiện ác sanh diệt, nó sẽ đưa chúng ta đến chỗ lành hay dữ.

Tóm lại, Tổ chỉ cho thấy nếu không tu đến nơi đến chốn, mà chỉ một bề chạy theo danh lợi thì khi lâm chung thần thức vừa ra khỏi thân liền bị nghiệp lôi, nghiệp nào nặng sẽ lôi đi trước, đó là ý nghĩa "trọng xứ thiên trụy". Nghiệp thiện mạnh sẽ lôi mình đến chỗ lành, khi hưởng phước hết lành cũng sẽ rơi vào chỗ dữ.

Nghiệp ác mạnh sẽ lôi đến chỗ dữ, trả hết nghiệp ác rồi mới đến chỗ lành. Đó là tuần tự trả nợ, tùy chủ nợ mạnh yếu lôi kéo mà chúng ta đến trước hay sau. Đây là chỗ cần lưu ý.

Âm:

Vô thường sát quỷ, niệm niệm bất đình, mạng bất khả diên, thời bất khả đãi.

Dịch:

Vô thường sát hại, niệm niệm không dừng. Mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi.

Giảng:

Quỷ vô thường giết người mỗi niệm mỗi niệm không dừng, mạng sống không thể kéo dài hơn, cũng không thể chờ đợi được. Như chúng ta đang lỡ làm một việc gì đó chưa xong mà bệnh hấp hối sắp chết, vậy có thể hẹn với quỷ vô thường làm ơn hoãn lại cho tôi làm xong việc rồi sẽ chết được không? Nhất định là không thể hẹn.

Trường hợp có thể hoãn lại, như trong hội của ngài Diêm Quan có một vị tăng làm Tri sự, vì bận quá nhiều việc nên không có thời giờ tu tập, bất chợt quỷ vô thường đến mời đi. Vị tăng nói: Tôi bận lo việc chúng không có thời giờ tu, cho xin hẹn lại bảy ngày để lo xong việc, chừng ấy tôi sẵn sàng đi. Quỷ đồng ý cho ngài hoãn lại. Suốt bảy ngày đó ngài nỗ lực tu, hết hạn quỷ vô thường đến tìm mà không thấy.

Âm:

Nhân thiên tam hữu, ưng vị miễn chi, như thị thọ thân, phi luận kiếp số.

Dịch:

Ba cõi trời người chưa thoát khỏi, cứ như vậy thọ thân số kiếp không thể tính bàn.

Giảng:

Chỉ vì lỗi không nỗ lực tu hành, mãi tạo nghiệp cho nên phải chìm đắm trong luân hồi, lang thang trong sáu nẻo.

Âm:

Cảm thương thán nhạ, ai tai thiết tâm, khởi khả giam ngôn, đệ tương cảnh sách. Sở hận đồng sanh tượng quý, khứ thánh thời diêu, Phật pháp sanh sơ, nhân đa giải đãi. Lược thân quảng kiến, dĩ hiểu hậu lai, nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán.

Dịch:

Cảm thương than thở, đau xót cực lòng, đâu thể im lời, nên cùng nhau nhắc nhở. Tủi vì sanh vào thời mạt pháp, cách hiền thánh đã xa, Phật pháp lôi thôi, người tu đa số biếng nhác. Thế nên lược bày chỗ thấy cạn hẹp của mình, để khuyên bảo người sau, nếu không bỏ tánh kiêu căng, thì thật khó mong chuyển đổi.

Giảng:

Sau khi chỉ rõ lỗi lầm xong, đến đây Tổ nhắc nhở sách tấn tu hành. Ngài thấy chúng ta si mê quá, lòng rất thương xót nên nói lên những lời cảnh tỉnh thống thiết, thật là lòng từ vô hạn. Người xưa phần đông đều dũng mãnh, chỉ có một ít không cố gắng mà ngài còn than trách như thế. Huống là chúng ta ngày nay đa số đều giải đãi, ngồi thiền một giờ đã loạn động, đâu sánh được với người xưa, cả ngày đi đứng ngồi nằm đều thiền. Có khi chỉ hiểu sơ sài, rồi đem những tà thuyết ra truyền bá, khiến cho Phật pháp ngày càng lu mờ.

Xưa Phật làm một đàng, bây giờ chúng ta đi một ngả. Như thời Phật đâu có đi đám ma, ngay đến đệ tử của Phật cũng chưa từng nghe ai đi đám. Thế mà ngày nay chúng ta đi đám liên miên. Thỉnh thoảng người này đau, người kia chết phải đi thăm, đi đám, cúng bốn mươi chín ngày... hết gia đình này đến gia đình khác. Cứ loanh quanh như thế làm sao có thời giờ gạn lọc tâm tư, thời giờ đâu để tu tập thiền quán? Thấm thoát một đời trôi qua, nhìn lại sự nghiệp tu hành nào có được gì? Ngày thường mình lo độ thiên hạ, đến lúc sắp chết mời thiên hạ độ lại mình. Đây là sự thật đau lòng!

Phật giáo ngày nay mang nặng màu sắc tín ngưỡng, nhưng chúng ta nên đặt tín ngưỡng đúng chỗ cao đẹp, nếu đi quá đà nó sẽ trở thành mê tín biến tăng sĩ trở thành thầy cúng. Đây là điều lầm lẫn. Nếu thật tâm cầu giải thoát thì phải tạo cho mình một nếp sống đơn giản, tránh bớt những xã giao phiền toái, giữ gìn nghi lễ

trang nghiêm mới đúng tinh thần Phật pháp. Như vậy mới là người vì đạo, thương mình và dẫn dắt tín đồ. Nếu không được như thế thì e rằng mình đã lầm lại làm lầm cho người.

Đến đây ngài nói thật khiêm nhường. Ngài lược bày chỗ thấy nhỏ hẹp của mình để nhắc nhở người sau, mong người sau dẹp trừ tánh kiêu căng ngã mạn để tự sửa mình thì mới có thể tiến được.

Âm:

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục. Thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Dịch:

Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục. Nối thạnh dòng thánh, hàng phục quân ma, nhằm đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi.

Giảng:

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương. Chữ phương đây là chỉ cho tam giới. Nghĩa là khi đã phát tâm xuất gia, phải ý thức rằng mình sẽ thoát ra khỏi tam giới, không còn kẹt trong dòng sanh tử nữa.

Tâm hình dị tục. Hình dị tục thì chúng ta dễ biết, như cạo tóc, mặc áo nhuộm... còn tâm dị tục là thế nào? Người thế gian thấy tư tưởng là thật, thân này là thật, tất cả cảnh vật chung quanh đều thật, nên họ mê lầm

và đắm chìm trong ấy. Người xuất gia thường dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu, thân tứ đại là không, ngoại cảnh sáu trần đều huyễn hóa; hoặc theo tinh thần Nhị thừa thì thấy tất cả sự vật hiện có đều là vô thường, khổ, không... đó là "tâm dị tục".

Tâm người xuất gia phải khác tâm người thế tục, nhưng cũng có trường hợp xuất gia mà tâm không khác tục. Bởi không khác tục nên vẫn thấy thân thật cảnh thật, rồi lo kinh doanh, tạo sự nghiệp ở đời. Vì vậy người xuất gia phải nhìn lại mình, thấy thân đã khác tục thì phải cố gắng làm sao cho tâm cũng khác tục. Nếu chỉ khác hình thức mà tâm không khác thì chưa phải là người xuất gia. Tổ chỉ dùng bốn chữ cô đọng "tâm hình dị tục", mà đã nói lên được hoài bão của người tu là vượt ra khỏi tam giới.

Thiệu long thánh chủng tức là nối tiếp hạt giống giác ngộ. Người xuất gia là người thắp sáng ngọn đuốc chánh pháp, soi đường cho kẻ lầm mê, vì thế phải có tâm giác ngộ, khác hẳn thế tục mới có đủ khả năng làm cho hạt giống thánh được tiếp nối và hưng thịnh.

Chấn nhiếp ma quân. Nhiếp phục ma quân, khiến chúng khiếp đảm. Nhiều người hiểu lầm, tưởng ma quân là những con ma có hình tướng, có nanh vuốt dễ sợ lắm. Theo nhà Phật nói ma quân có nhiều thứ, nhưng ở đây tôi chỉ lược nói hai thứ: Nội ma và ngoại ma.

Nội ma là chỉ cho tham sân si... những thứ làm chướng ngại tâm thanh tịnh của mình. Như đang ngồi thiền bỗng nhớ khi nãy bị người nói nặng, cái nhớ đó

là ma, nó làm mình mất thanh tịnh. Nếu ngay lúc ấy dừng lại không cho nghĩ tiếp, gọi là hàng phục ma. Thấy của rơi mà không lấy là nhiếp phục ma tham, hoặc có ai vô cớ trêu chọc sắp nổi nóng liền biết bỏ qua là nhiếp phục ma sân.

Có người thấy ngồi thiền một chỗ trông im lìm nhàn hạ, cho là tiêu cực yếm thế chẳng giúp ích gì được cho ai. Họ đâu biết chính lúc ấy chúng ta đang là dũng sĩ lâm trận, chiến đấu mãnh liệt với ma quân, chứ không phải ngồi chơi thong thả. Giả sử muốn tạo được một ngôi chùa cũng rất nhọc nhằn, phải quyên góp tiền bạc, lo việc xây dựng cực khổ suốt mấy tháng trường, song đâu khó bằng ngồi thiền chiến đấu với chúng ma. Một cuộc chiến vô hình mà vô cùng phức tạp gay go.

Người xưa nói: "Việc xuất gia chẳng phải là việc của tướng văn, hay tướng võ có thể làm được." Người xuất gia đánh giặc còn hơn cả tướng cầm quân, chứ đâu phải việc tầm thường. Thế gian đánh giặc hai bên dàn trận thấy nhau, còn giặc của chúng ta ẩn núp chẳng có nơi chốn, chỉ đợi sơ hở một chút là nhảy vô liền. Giặc quá nhiều, nào là giặc của quá khứ, vị lai, chuyện mới, chuyện cũ... hàng hàng lớp lớp nhảy ra tấn công, mà ta lại không biết rõ mặt mũi chúng. Vậy nên phải có thế ngồi thật vững chắc, gan dạ đánh đuổi giặc ma ra ngoài, nếu lơ là nó sẽ chiếm mất gia bảo của mình. Đó là nhiếp phục nội ma.

Ngoại ma tức ma bên ngoài, gồm có: tử ma, thiên ma, ngũ dục ma... nhưng không nguy hiểm bằng nội ma.

Sở dĩ ma bên ngoài xâm nhập tâm chúng ta được là do bọn ma bên trong móc nối. Như ma ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy. Nếu tâm chúng ta không còn nhiễm ái, không tham tiền, không tham ăn uống, ngủ nghỉ... thì ma ngoài có rủ rê cũng không được. Nội ma lắng xuống, lập tức ma ngoài tự tiêu.

Tử ma là loại ma do nghiệp đọa làm quỷ, chúng thường nhiễu hại người tu khi ở nơi vắng vẻ, hiện hình hay biến tướng lạ để quấy phá. Song cần phải biết rõ, ma bên ngoài không thể nhiễu loạn được chúng ta. Vua Trần Thánh Tông nói "kiến quái bất kiến quái, kỳ quái tất tự hoại", thấy quái mà mình không quái thì quái ấy tự tiêu. Đức Phật trước khi thành đạo dưới cội bồ-đề, ngài hàng phục ma bằng cung thiền định, kiếm trí tuệ, chứ chẳng dùng ấn chú. Khi ma hiện trăm thứ kỳ quái, ngài chỉ giữ tâm an nhiên không động, ma tự xấu hổ rút lui. Nên nhớ, tâm không động thì thắng ma, còn sợ hãi thì ma thắng mình.

Trường hợp trong khi ngồi thiền thấy ma hiện đến, nếu mở mắt thấy sợ thì nhắm mắt lại, chưa hết sợ thì nên quán tưởng, thân này do tứ đại hợp thành, thể tánh của nó là không, sáu trần cũng đều huyễn hóa thì sợ cái gì? Quán tưởng như vậy tự nhiên ma biến mất.

Có một số người ngồi thiền phát cuồng là do thấy những tướng lạ đâm ra hoảng hốt, sợ hãi. Bởi vì đang lúc ngồi yên mà có gì tác động mạnh đến tinh thần, khiến tâm loạn động phát sợ phát cuồng. Hoặc khi ngồi thiền

bỗng thấy Phật đến xoa đầu thọ ký, sẽ thành Phật một ngày gần đây, bấy giờ mừng quá la lên trở thành cuồng loạn. Tâm còn động thì thấy Phật hay thấy ma gì cũng là bệnh, thế nên trong nhà thiền thường nói: "Phùng Phật sát Phật, phùng ma sát ma" là ý này vậy. Thấy ma hay thấy Phật hiện đến, cũng đều biết là bóng dáng không thật, không nên mừng rỡ hay kinh sợ, chỉ giữ tâm an tịnh. Đa số người ngồi thiền ở trạng thái nửa tỉnh nửa mê, sắp ngủ gục, lúc ấy vọng tưởng dấy thành chiêm bao với những hình ảnh tạp nhạp, rồi cho là ngồi thiền thấy này, thấy nọ... Nếu chợt tỉnh mở mắt sáng lên thì những hình ảnh đó sẽ tự biến mất.

Nội ma hay ngoại ma đều không đáng sợ, điểm cốt yếu là nhiếp phục ma trong thì ma ngoài không nhiễu hại được. Ma trong không dẹp, cho dù có bùa chú gì vẫn bị ma dẫn đi. Tâm an định, ma đến mặc ma, ta vẫn là ta, ấy là hay nhất. Chúng ta nên nhớ kỹ điều này để tránh tai hại trong khi tu thiền.

Dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhiếp phục được ma quân rồi mới có thể đem công đức tu hành mà đền đáp bốn ơn, cứu giúp chúng sanh trong ba cõi. Nếu việc mình chưa xong mà lo đền ơn đáp nghĩa thì chưa chắc đền đáp được, đôi khi còn làm chướng ngại trên đường tu.

Tóm lại, Tổ nhắc nhở người xuất gia, trước phải lập chí giải thoát, tâm chớ giống người thế tục. Kế làm sáng tỏ chánh pháp và nhiếp phục ma quân. Như thế mới khả dĩ trên đền đáp bốn ơn, dưới cứu giúp ba cõi.

Âm:

Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí.

Dịch:

Nếu chẳng như thế, xen lẫn trong chúng tăng, ngôn hạnh hoang sơ, luống hao của tín thí.

Giảng:

Nếu chẳng làm được những điều kể trên thì chỉ là kẻ lẫn lộn, làm ô danh chúng tăng, chẳng phải người chân chánh xuất gia.

Lạm xí có nơi giải thích là *điểu thử tăng,* tức ông thầy chim chuột. Như con dơi khi gặp chim thì nó xòe cánh ra làm chim, gặp chuột thì nó xếp cánh làm chuột. Hoặc gọi *phốc cư sĩ,* cư sĩ đầu trọc. Làm tăng nhưng không có tâm hạnh của người xuất gia, lời nói việc làm không phù hợp chánh pháp, chỉ như cư sĩ trọc đầu. Đó gọi là lạm xí tăng luân. Người như thế chỉ luống ăn tiêu của tín thí, chẳng lợi ích gì cho đạo. Chúng ta mỗi người hãy tự kiểm vậy.

Âm:

Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di, hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị.

Dịch:

Chỗ đi năm trước, tấc bước không rời, lơ láo một đời, lấy chi nương tựa.

Giảng:

Có người xuất gia được hai ba mươi năm, nhưng càng tu càng lùi. Năm thứ nhất Phật tại tiền, năm thứ hai Phật thăng thiên, năm thứ ba về sau chẳng còn thấy Phật. Cho nên tôi thường nhắc tăng ni, người tu như kẻ chèo thuyền ngược nước ngược gió. Nếu cảm thấy quá mệt mỏi thì nên cắm sào, bỏ neo, đậu lại nghỉ ngơi cho khỏe rồi tiếp tục chèo, không nên buông chèo để mặc trôi giạt đến đâu cũng được.

Chúng ta là kẻ đi ngược dòng đời, thế gian mê ta tỉnh, thế gian đắm chìm trong ái dục ta ra khỏi ái dục. Vì thế phải luôn cần mẫn, vững tay chèo mới có thể tiến nổi. Nếu lơ là, ắt dòng đời như thác lũ kia sẽ cuốn phăng mình theo dòng sanh tử. Chúng ta tự xét lại xem từ khi xuất gia đến giờ, trải qua năm mười năm rồi, đã tiến được bao nhiêu hay vẫn còn nguyên chỗ cũ? Thậm chí có khi còn lùi nữa. Như thế thì đời tu nào có ra gì, thật đáng hổ thẹn! *Lơ láo một đời, lấy chi nương tựa?* Tổ cho một roi đau điếng để chúng ta hổ thẹn, nhớ lại bổn phận của mình mà cố gắng.

Âm:

Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo. Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quý thốn âm, sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu. Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tỳ.

Dịch:

Huống nữa đường đường tăng tướng, dung mạo dễ xem. Sở dĩ được như thế là do đời trước đã gieo trồng căn lành, nên đời này mới cảm quả báo thế ấy. Lại chỉ biết ngồi sững khoanh tay, chẳng tiếc thời giờ, đạo nghiệp không nỗ lực chuyên cần thì công quả do đâu thành tựu? Chẳng những đời nay luống qua, đời sau cũng sẽ vô ích.

Giảng:

Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan, giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo. Chúng ta ngày nay mang thân người sáu căn đầy đủ, lại được xuất gia hình tướng như Phật, đó là do đời quá khứ đã gieo trồng căn lành, đời nay mới cảm được quả báo tốt như vậy. Nhìn quả hiện tại biết nhân quá khứ, nhìn nhân hiện tại, biết quả vị lai.

Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quý thốn âm. Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu. Đời nay đã được duyên lành thì phải làm sao, chẳng lẽ chỉ biết ngồi sững khoanh tay, ngu ngơ qua ngày tháng? Chẳng những đời này không lợi ích, mà đời sau cũng không chỗ tựa nương. Hiếp Tôn Giả suốt đời hông không dính chiếu, tổ Bá Trượng thì "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực", một ngày không làm, một ngày không ăn. Chúng ta ngày nay vào chùa thọ lãnh của thí chủ quá nhiều, mà không siêng tu phước tuệ, không quý tiếc thời giờ, một mai cởi áo cà-sa, bỏ mất thân người, thật đáng tiếc!

Khởi khả nhất sanh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tỳ. Đời này không có công đức, làm sao đời sau được tốt đẹp? Tổ Quy Sơn tâm lão bà tha thiết, quở rầy xong an ủi, an ủi rồi lại quở rầy. Ngài đắng miệng khô môi cũng chỉ vì muốn cho con cháu đời sau được nên người xứng đáng.

Âm:

Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đẳng siêu hà sơ. Hiểu tịch tư thổn, khởi khả thiên diên quá thời.

Dịch:

Từ giã thân quyến, quyết chí mặc áo nhuộm là ý muốn vượt đến chỗ nào? Sớm tối lo nghĩ, đâu thể dần dà để thời giờ qua mất.

Giảng:

Tổ nhắc lại bổn phận và ước nguyện ban đầu của người xuất gia, từ bỏ cha mẹ thân quyến vào chùa mặc áo nhuộm, là vì lý tưởng cao siêu giải thoát chứ đâu phải để tìm chỗ an thân, thế nhưng dần dà chúng ta quên mất bổn phận của mình. Vì vậy ngài nhắc sớm tối suy nghĩ, phải thường hỏi mình "tại sao đi tu?" Hằng nghĩ nhớ lại tâm nguyện xuất gia để nỗ lực vươn lên, không nên bỏ lửng, ăn rồi giỡn cười để ngày giờ qua mất.

Âm:

Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác hậu lai quy cảnh. Thường dĩ như thử, vị năng thiểu phần tương ưng!

Dịch:

Lòng tự hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau. Thường xét nghĩ như thế mà còn chưa được chút phần tương ưng.

Giảng:

Khi chúng ta xuất gia là trong lòng đã kỳ hẹn làm rường cột cho Phật pháp, gương mẫu cho đời sau, chứ không phải ăn tiêu của tín thí, làm con mọt đục chùa. Hằng xét nét như thế mà còn chưa phù hợp được một phần nhỏ của sự xuất gia, huống là tu bao nhiêu năm mà không biết mình phải làm gì thì thật là tệ!

Âm:

Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ, hình nghi đĩnh đặc, ý khí cao nhàn.

Dịch:

Nói ra phải hợp với kinh điển, luận bàn phải noi theo gương mẫu người xưa, hình dung đĩnh đạc, ý chí cao nhàn.

Giảng:

Nếu chúng ta thật tình muốn làm rường cột cho Phật pháp, làm mẫu mực cho người sau thì nói ra lời gì cũng phải đúng đắn chân thật, phù hợp với kinh điển, với lời Phật ý Tổ, chẳng nên đặt điều nói bướng, nói đùa. Thân tướng trang nghiêm, đi đứng chỉnh tề. Ý chí thênh thang siêu thoát, chẳng nên có những ý tưởng thấp kém

tầm thường. Tổ chỉ dạy thật tường tận, từ ngôn ngữ, hình nghi cho đến ý chí. Chúng ta phải cố gắng thực hành như lời Tổ dạy mới xứng đáng là Sa-môn Thích tử, là người chân chánh xuất gia.

Âm:

Viễn hành yếu giả lương bằng, sác sác thanh ư nhĩ mục, trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn. Cố vân, sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu.

Dịch:

Đi xa cần nương bạn lành, để thường gạn lọc tai mắt. Trú ở cần nên chọn bạn, thường được nghe điều chưa nghe. Nên nói, sanh ta là cha mẹ, tác thành nên ta là bạn bè.

Giảng:

Chúng ta ra đi tìm thầy học đạo cốt phải nương nhờ thầy lành, bạn tốt giúp cho tai mắt trong sạch, được nghe lời hay, thấy được cái đẹp. Khi dừng ở phải như thế. Gần thầy hay bạn tốt, chúng ta mới nghe được điều lợi ích chưa từng nghe. Nếu gần thầy không hơn mình, bạn chẳng tốt thì dù ở chung ngàn năm cũng chẳng lợi ích, đôi khi lại còn lui sụt.

Sanh ta là cha mẹ, làm nên ta là thầy bạn. Đây là sự thật không nghi ngờ. Chúng ta được hình vóc vẹn toàn này là từ cha mẹ mà có, nhưng có được trí tuệ, hiểu biết những điều siêu xuất thế gian, lại chính là nhờ thầy bạn

bồi đắp mà nên. Nhờ thầy bạn chúng ta mới thành người hữu ích cho chính mình và chúng sanh. Như bản thân tôi, nay được biết đạo lý giảng dạy thế này, hoàn toàn là nhờ thầy bạn, chứ cha mẹ không thể làm được. Có nhiều người thiếu phước, phát tâm xuất gia mà không gặp thầy lành bạn tốt, nên ở chùa mấy mươi năm cũng vẫn lẩn quẩn. Thật là tội nghiệp! Điều này cũng do phước duyên của mỗi người, chứ lúc phát tâm đi tu đâu biết gì mà chọn lựa.

Âm:

Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận.

Dịch:

Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không thấy ướt áo mà dần dần thấm nhuần.

Giảng:

Như chúng ta đi ngoài trời lúc sáng sớm, tuy không thấy sương rơi ướt áo, nhưng lát sau cảm thấy lành lạnh. Cũng vậy, được gần thầy lành bạn tốt, không phải chúng ta được lành tốt ngay, mà sống gần gũi lâu ngày tự nhiên có sự nhuần thấm. Nói đến đây tôi nhớ lại Thầy tôi là hòa thượng Viện trưởng, đã nói: "Thanh Từ thuở xưa không khác nào cục sắt, do tôi mài giũa nay được thành cây kim." Thật đúng vậy, nay tôi được hữu dụng cho Phật pháp cũng nhờ công thầy uốn nắn, lo lắng từ vật chất đến tinh thần. Thế nên trong đời tu của chúng ta, nếu được gặp thầy lành bạn tốt là phúc duyên lớn,

là điều tối cần thiết cho sự tiến tu của mình. Nhờ có thầy chỉ dạy mà chúng ta trở nên người hữu dụng, công ơn ấy thật to lớn vô cùng.

Âm:

Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân, nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục.

Dịch:

Gần gũi kẻ ác, thêm ác tri kiến, sớm tối tạo ác, trước mắt chịu quả báo, chết rồi phải trầm luân, một phen mất thân người, muôn kiếp khó tìm lại được.

Giảng:

Tổ cảnh tỉnh chúng ta, nếu không chịu gần thầy lành bạn tốt cố gắng tiến tu, mà chỉ gần gũi kẻ ác thì hậu quả sẽ mãi mãi trầm luân chịu mọi thống khổ. Một phen mất thân người muôn kiếp khó tìm lại. Tổ thật từ bi chỉ dạy từng li từng tí, cốt mong sao cho chúng ta thành người hữu dụng.

Âm:

Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai? Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh, uẩn tố tinh thần, huyên hiêu chỉ tuyệt.

Dịch:

Lời thẳng trái tai, há chẳng ghi lòng đó sao? Có thế mới hay rửa lòng nuôi đức, ẩn tích mai danh, chứa nhóm tinh thần, xa lánh ồn náo.

Giảng:

Lời nói thẳng thường trái tai, tuy trái tai song phải ghi lòng, có thế mới tiến được. Người tu trước phải xa lìa chỗ ồn náo, rửa tâm nuôi đức, kế đến ẩn hành tung chôn vùi tên tuổi, để chứa nhóm tinh thần cho trong sạch. Sở dĩ chúng ta không thể gội rửa tâm hồn, nuôi dưỡng đức hạnh là do hiện tướng sờ sờ, tên tuổi thiên hạ đều biết. Vì hiện tướng sờ sờ nên ai thấy cũng mời, nay đi chỗ này, mai đi chỗ nọ, đi mãi làm sao có ngày giờ để rửa tâm nuôi đức? Vì thế người tu thường ở núi rừng xa vắng, cốt để người không gặp, tên tuổi chẳng ai biết đến, mới có cơ hội uẩn tố tinh thần.

Như tôi khi xưa suốt mấy năm lăng xăng làm việc này việc nọ, lúc ra núi này nếu không tuyên bố nhập thất, chắc cũng không làm gì được. Vì ai thấy cũng mời, rảnh rang đâu lo việc của mình! Nhờ ẩn tu, không ai biết tên thấy mặt, mới từ từ nuôi dưỡng cái cao siêu, gội rửa dần những cáu bợn, nên mới có thể làm được đôi chút lợi ích cho người. Người tu phải khéo sắp đặt cho mình một hoàn cảnh thuận tiện để tiến tu, chứ cứ mãi hòa mình trong dòng ngầu đục của thế gian thì biết đến bao giờ mới trong, cũng chẳng được ích lợi gì?

Âm:

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn, tâm khế huyền tân, nghiên cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khải ngộ chân nguyên.

Dịch:

Nếu muốn tham thiền học đạo, là môn vượt ngoài phương tiện thì trong phải hợp với mé huyền và nghiên cứu tường tận cái tinh yếu của đạo. Chọn lựa được chỗ thâm sâu rồi, mới có thể khai ngộ được nguồn chân.

Giảng:

Người tham thiền học đạo trước phải rõ đây là pháp môn vượt ngoài phương tiện. Sao vậy? Tất cả các pháp tu trong kinh Phật dạy như quán sổ tức, quán từ bi, quán bất tịnh v.v... đều có danh ngôn hình tướng, tức là phương tiện, sao đây lại nói pháp môn không phương tiện?

Khi tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Hoa, thấy chư tăng thời ấy chuyên về văn tự mà không rõ lý đạo, nên ngài mới phương tiện dạy pháp môn giáo ngoại biệt truyền, tức là truyền ngoài giáo lý, không cho kẹt trong văn tự. Nên nói "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Vậy kiến tánh có phải là thành Phật, là có thần thông hay không? Trong nhà thiền, khi có người học đạo đến thưa hỏi thì các thiền sư hoặc đáp, hoặc đánh, hoặc hét... nhờ đó mà người hỏi được ngộ. Ngộ đó là ngộ cái gì? Có thành Phật chưa? Ngộ tức là thấy đạo hay còn gọi là kiến tánh, tức nhận ra chân tánh bất sanh bất diệt nơi mình.

Khi ấy nhìn lại thấy rõ thân này cho đến vũ trụ đều là pháp sanh diệt, huyễn hóa thì đâu dại dột gì mà đắm nhiễm chạy theo. Từ đó tiến tu mãi không lùi

thẳng đến quả vị Phật, chứ không phải kiến tánh là thành Phật ngay. Kiến tánh là nhân, thành Phật là quả. Phương pháp này tiến thẳng một đường, không trải qua ngôi vị nào khác, nên gọi là Tối thượng thừa.

Phật nói "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Đó là sự thật. Chỉ vì chúng ta chưa tin được, nên không là Phật sẽ thành. Kiến tánh là then chốt của người tu thiền, vì kiến tánh mới có thể tu thành Phật. Cho nên Tổ chỉ thẳng vào tâm, biết cái sanh diệt đừng theo, cái không sanh diệt thì hằng sống, đó là không dùng phương tiện.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: "Chư Phật ra đời cốt chỉ cho chúng sanh nhận được tri kiến Phật của chính mình." Chư tổ thiền tông cũng chỉ cho chúng ta nhận được cái sẵn có đó. Như tôi giảng kinh cũng nhằm làm sao để người nghe nương kinh mà thấy được cái chân thật. Kinh Lăng-nghiêm nói: "Kinh như ngón tay chỉ mặt trăng." Người mới vào chùa tập tu, thường được dạy đếm hơi thở, hoặc bảo niệm Phật, trì chú... tất cả đều là phương tiện. Phương tiện ví như cây vịn để lần qua cầu khỉ, người yếu chân nương cây vịn đi qua, qua khỏi cầu thì buông cây vịn.

Cũng vậy, khi niệm Phật đến chỗ nhất tâm, câu niệm Phật không còn cần thiết nữa, vì vô niệm mới là cứu cánh. Trong kinh A-hàm Phật dạy, người quán Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày... cho đến bảy ngày mà không tạp niệm, sẽ chứng thánh quả. Tôi nói, nếu người nào quán Bát-nhã từ một ngày cho đến bảy ngày

mà không có niệm khác sẽ được Bát-nhã hiện tiền. Những lời nói này đâu có khác, đến cứu cánh thì phương tiện không còn. Nếu chúng ta không hiểu, chỉ đứng ở một khía cạnh mà nhận xét, rồi chấp cho pháp này hay pháp kia dở, bám chặt vào phương tiện để chỉ trích pháp không phương tiện, đó là lầm lỗi. Nên biết, cửa phương tiện bước vào tuy nhiều, nhưng ngôi nhà Phật pháp thì chỉ có một.

Tổ Quy Sơn nói, tham thiền học đạo là môn vượt ngoài phương tiện. Bởi vì thông thường người sơ cơ thì phải tụng kinh, ngồi thiền để điều phục tâm, nếu vọng tưởng dấy lên liền nhiếp phục nó. Nhưng đến lúc dẹp hết ma quân rồi, như trâu đã thuần đâu cần cầm roi kéo mũi, nên nói vượt ngoài phương tiện.

Nhiều người lầm tưởng cho rằng ngồi thiền hai ba giờ, hoặc ngồi cả ngày đến quên ăn uống, đó là tu giỏi. Thật sự không phải vậy. Thiền trong tất cả thời, chứ không phải ngồi mới gọi là thiền. Ở đây tôi chỉ cho ngồi thiền tối đa là hai giờ, cốt sao trong tất cả thời như cuốc đất xem hoa, tưới kiểng, uống trà... đều được thong thả. Chừng nào không cần ngồi thiền mà tâm vẫn an nhiên không động, chừng đó mới là cứu cánh. Cho nên tu thiền thấy dường như khó, vì không có phương tiện. Nhưng đến cứu cánh thì thật dễ, vì không có cái gì để bỏ. Chỉ cốt vọng tưởng dấy lên liền biết, vọng tưởng hết thì tâm nhất như. Nghe như dễ, nhưng lại rất khó. Tuy nhiên chẳng phải là dễ hay khó, chỉ do chúng ta có chí hay không mà thôi.

Âm:

Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tông nan đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhân, tiện thị xuất trần giai tiệm.

Dịch:

Rộng hỏi tiên tri, thân gần thiện hữu. Tông này khó đạt được chỗ nhiệm mầu, cần phải dụng tâm chín chắn. Nếu trong ấy đạt được chánh nhân, đó chính là thềm bậc giải thoát.

Giảng:

Nếu không khế ngộ được nguồn chân thì phải tham vấn các bậc tiên tri, tức là người đã tu học trước mình. Vì tông này rất khó đạt được diệu chỉ, nên cần phải dụng tâm cho chín chắn. Khi ngộ được chánh nhân rồi, liền vượt khỏi cõi trần không cần theo thứ lớp. Đây là chỗ quan trọng của Thiền tông.

Thiền tông là con đường tắt không quanh co, không theo thứ tự, nên khó mà nhận được yếu chỉ. Nhưng nếu khéo dụng tâm đạt được bản nhân rồi thì tin chắc ngay trong đời hiện tại này, không còn bị luân hồi lôi kéo nữa. Song đây không phải là việc dễ, phải khéo cẩn thận. Có nhiều người tu thiền cầu được những điều hay lạ, tâm chạy theo danh sắc nên đã lạc lầm đi trong sanh diệt. Có người muốn tu, đến đây nhờ tôi nói một câu chỉ thẳng yếu chỉ, tôi bảo học ba năm rồi sẽ thấy chứ chỉ liền không thể được, vì đây là chỗ không hình tướng.

Tuy không phải là không ngơ, nhưng khó có thể chỉ bày. Chúng ta chịu khó ngày nay nghe thấm một ít, ngày mai nghe thấm một ít, cho đến hôm nào chợt lãnh hội được yếu chỉ thì sự tu hành mới bảo đảm không lầm. Dù là pháp môn không phương tiện, nhưng trình độ chúng ta không thể khai thông liền, nên phải có thời gian, đủ cơ hội tốt sẽ tự lãnh hội.

Âm:

Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu.

Dịch:

Đây là phá ba cõi, hai mươi lăm loài.

Giảng:

Kinh Lăng-nghiêm, Phật chia ra hai mươi lăm cõi, nên đây nói hai mươi lăm loài. Theo tinh thần Thiền tông, chúng ta chỉ là khách qua lại trong tam giới, cho nên khi tu là phải quyết tâm, ngay đời này ra khỏi tam giới, dứt dòng luân hồi. Nếu có trở lại cũng chỉ là tùy nguyện độ sanh, chứ không phải bị nghiệp trói buộc nữa.

Âm:

Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thật, tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh.

Dịch:

Trong ngoài các pháp, đều biết không thật, từ tâm biến khởi, thảy là giả danh.

Giảng:

Một câu này tuy chúng ta nhận hiểu rồi, nhưng tu suốt kiếp cũng chưa xong. Đối với các pháp bên trong và bên ngoài, tức năm uẩn và sáu trần, hằng chiếu soi thấy nó không thật, ấy là giải thoát. Kinh nói, giả sử bố thí châu báu nhiều bằng quả đất, cũng chưa giải thoát. Vì sao? Vì còn thấy mình thật, người thật, của cải thật. Đó là nhân luân hồi, nhưng luân hồi trong cõi lành, chứ chưa giải thoát. Người quyết tâm cầu giải thoát phải luôn dùng trí tuệ thấy rõ năm uẩn, sáu trần, các pháp thế gian và xuất thế gian đều không thật, vì đều từ tâm biến khởi.

Sở dĩ chúng ta luân hồi trong tam giới là do nghiệp gây nên, mà gốc nghiệp là từ thân miệng ý. Thân và miệng là công cụ của ý, ý là chủ động. Bởi ý có nghĩ thì thân mới làm, miệng mới nói. Vì thế chúng ta tu cốt làm sao cho ý dừng lặng, không còn tạo nghiệp nữa, đó là giải thoát. Tất cả pháp tu đều quy về chỗ đó. Niệm Phật, trì chú phải đến chỗ nhất tâm, tham thiền phải bặt vọng tưởng ý thức. Chúng ta không hiểu thấu đáo nên chấp cho rằng tụng kinh có phước, trì chú có linh nghiệm, tham thiền có công đức v.v... mà không biết rằng tất cả phương tiện, chỉ cốt đập tan dòng ý thức cuộn chảy trong chúng ta mà thôi. Khi ý thức lặng rồi thì tâm thanh tịnh nhất như. Có người tu đến chỗ lặng vọng tưởng lại hoảng hốt, tưởng mình đâu mất. Cầu thanh tịnh mà khi được thanh tịnh lại hoảng sợ, chẳng khác nào chàng cùng tử trở về quê nhà, thấy cha lại hoảng kinh chạy trốn, buộc lòng người cha

phải dùng phương tiện dẫn dụ, sai làm những công việc hèn hạ như hốt rác, đổ phân... thế mà hài lòng. Thật đáng thương xót!

Phật mượn phương tiện dạy chúng ta thứ lớp tu hành. Như tu thiền quán tứ đại thì trước tiên là quán thủy đại. Quán nước trong thân lần lần tràn khắp hư không thì được định thứ nhất là Sơ thiền. Kế quán gió, lửa v.v... cuối cùng xả hết đến Diệt thọ tưởng định là chặn đứng dòng tâm ý. Chỉ vì chúng ta không nhận nổi chỗ trực chỉ, nên Phật phải dẫn quanh một vòng phương tiện, đến rốt cùng cũng là bặt tâm ý thức.

Thiền tông chỉ thẳng khiến người hoảng hốt, tưởng rằng đến đó là không còn gì nữa. Đây là bệnh do mê lầm mà ra. Vì chúng ta lâu ngày hằng sống với cái hư giả mà cho là thật, còn cái thật thì lại hồ nghi. Ví như kẻ xa quê lâu ngày, muốn về thăm cha mẹ nhưng quên mất số nhà, chỉ nhớ loáng thoáng con đường. Khi đến con đường ấy lại cứ đi tới đi lui mãi, thậm chí dừng trước cổng nhà mình mà cũng không biết, phải tìm người để hỏi. Chúng ta cũng vậy, khi vọng tưởng dấy lên cuồn cuộn thì ra sức dẹp, khi hết vọng tưởng lại thấy không ngơ rồi sợ, mà không dám nhận cái thật trong đó, nên tiếp tục trở lại vọng tưởng. Cứ lẩn quẩn loanh quanh tu mãi chẳng đến đâu. Nếu chúng ta biết rõ manh mối chánh yếu của việc tu thì đi thẳng vào nhà không còn sợ sệt gì nữa. Thế nên Tổ dạy, người tu thiền trước phải dùng trí tuệ chiếu soi, thấy năm uẩn, sáu trần đều không thật, từ tâm biến khởi chỉ có giả danh. Đây là giai đoạn căn bản bước vào cửa thiền.

Âm:

Bất dụng tương tâm thấu bạc, đãn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân.

Dịch:

Chẳng cần đem tâm nương gá, chỉ lòng không gá vật thì vật đâu chướng ngại được người.

Giảng:

Tu thiền thật đơn giản. Ngồi thiền mà tâm còn nhớ việc này, nghĩ chuyện kia, gọi là *thấu bạc*. Ở đây cốt đánh tan ý thức, chẳng đem đề tài nào suy gẫm, chỉ không cho vọng tình chạy theo sự vật bên ngoài. Nếu ngồi thiền mà chợt nhớ người này cảnh kia là tình đã gá vật. Một khi tâm chạy theo vật phải biết chặn lại ngay, đừng để tâm rong ruổi theo cảnh vật. Đến cả danh ngôn cũng vậy, đây là cái dễ làm cho mình loạn tâm nhất. Lúc đầu loạn theo cái thô, lần lần đến tế. Chúng ta thường đuổi theo những lời nói trong kinh sách hoặc của cổ đức, vì cho là nghĩ lành. Đó là bệnh mà người tu thiền hay mắc phải. Đâu biết vừa dấy niệm là tình đã gá vật rồi.

Tất cả những nghĩ tưởng của chúng ta đều không rời danh ngôn, sắc tướng. Khi ngồi yên không thấy người cảnh bên ngoài, nhưng bất chợt nhớ đến hình ảnh nào thì người cảnh ấy liền hiện ra, hoặc nghĩ nhớ câu nói gì liền nghe như có tiếng vang lên trong tâm thức. Đó gọi là pháp trần. Lúc ấy chúng ta không gá vào những vật hiện có trước mặt, nhưng gá vào bóng dáng của vật

còn lưu lại trong tâm thức, đây cũng là gá vật, vì vật từ tâm biến ra. Vì thế chủ yếu của người tu thiền là đừng để cho tâm gá vật. Thấy người, thấy cảnh mà tâm không duyên theo thì đâu có gì chướng ngại. Dù vàng ngọc đầy trước mặt mà tâm không dấy động, thử hỏi có gì làm chướng ngại mình? Chướng là do ma bên trong chực sẵn, cộng thêm lũ quỷ bên ngoài, nội công ngoại kích, chúng phá tan thành trì giới luật và thiền định của chúng ta.

Việc tu hành đơn giản vô cùng, chỉ cần tâm không gá vật. Như có người hỏi thiền sư: "Thế nào là giải thoát?" Đáp: "Tâm cảnh không đến nhau là giải thoát." Đây chính là tình không gá vật. Chúng ta thấy rõ giải thoát đâu cần tìm đâu xa, cũng chẳng phải tu nhiều đời nhiều kiếp mới được, chỉ cần tâm cảnh không đến nhau. Tâm cảnh dính nhau mới bị trói buộc. Chính vọng tưởng trói chúng ta vào dòng sanh tử, dứt vọng tưởng thì nhân trói buộc đâu còn, đó là giải thoát ngay hiện đời.

Âm:

Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục. Văn thanh kiến sắc, cái thị tầm thường, giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết.

Dịch:

Mặc tình pháp tánh trùm khắp, chẳng phải đoạn dứt, cũng chẳng cần tiếp nối. Nghe tiếng thấy sắc là việc tầm thường, bên này bên kia, ứng dụng không thiếu.

Giảng:

Khi tâm cảnh không dính nhau, không còn lệ thuộc vào vọng tình, lúc đó cái gì là mình? Chừng nào vọng tưởng hết, chừng ấy chúng ta mới thể nhập pháp tánh vô biên. Chỉ vì lâu nay lầm nhận hòn bọt cho là biển cả, nay đập tan hòn bọt mới thấy biển cả mênh mông. Chỗ này tổ Tăng Xán gọi là "viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư". Khi tâm không chạy theo vọng tưởng nữa đừng tưởng là hết, mà ấy là lúc đập tan hòn bọt để hòa cùng biển cả. Nơi nơi chốn chốn đều có mình, mình không còn hạn cuộc trong thân nhỏ bé này nữa, mà trùm khắp hư không. Vì thế Thiện Tài đồng tử khi bước vào lầu các của Bồ-tát Di-lặc, liền thấy vô lượng vô biên chư Phật, mỗi chỗ mỗi chỗ đều có mặt ngài đang đảnh lễ. Thể nhập pháp tánh trùm khắp, không cắt đứt cũng không tiếp nối, an nhiên tự tại, hằng sống với pháp thân. Vì vậy chư tổ nói một lời là một bài kệ, đi đứng nói nín... đều là đạo. Không cần đợi đến chết mới nhập pháp thân, chỉ cần dứt vọng tưởng là được.

Văn thanh kiến sắc, cái thị tầm thường, nghe tiếng thấy sắc đều là tầm thường. Bởi khi đã thể nhập pháp tánh, nhận được tâm chân thật rồi thì thấy tất cả sự vật ở thế gian đều là ảo ảnh không thật, không có gì đáng quyến luyến. Đó là nói người đã thể nhập pháp tánh, còn người tu chưa đến thì phải thận trọng.

Có một số tu sĩ trẻ xem ti-vi, nghe nhạc, hút thuốc, uống bia... rồi tự cho mình là phá chấp, là tự tại, trong khi tâm còn đầy ắp vọng tưởng. Đó là ngụy biện

để che mắt thế gian. Chúng ta chỉ tự tại khi nào thể nhập pháp tánh châu lưu, nhận được cái chân thật thì cái giả mới không màng. Như trẻ em nhà quê được mẹ mua cho đôi bông bằng vàng giả, vui mừng hý hửng đem khoe với bạn bè, tự hài lòng vui thích vì tưởng là vàng thật. Nhưng đối với người có đôi bông vàng ròng hay kim cương thì đôi bông giả kia đâu có giá trị gì! Dù cho những thứ giả ấy đầy trước mắt, họ cũng không thèm để ý, huống nữa là quý thích. Khi chúng ta nhận được mặt thật xưa nay, đối với thế gian này mới hoàn toàn không ô nhiễm. Như ngài Phù Dung nói: "Ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết", gặp thanh gặp sắc như cây trồng trên đá, thấy lợi thấy danh như bụi rơi trong mắt vậy. Đối với người đã đạt được pháp tánh rồi thì thanh sắc, danh lợi không bám được, chẳng có chi phải bận lòng.

Giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết. Bên này bên kia, ứng dụng không thiếu. Bên này bên kia là thế nào? Đứng về thế gian thì tùy cơ ứng biến diệu dụng không lường. Đứng về xuất thế gian thì không còn bị năm trần ô nhiễm. Không chấp có, không kẹt không, không mắc trong thế gian, cũng không đắm nơi giải thoát. Tự tại qua lại trong tam giới, tùy duyên hóa độ muôn loài. Đó là chỗ cứu cánh của người tu.

Đoạn trên Tổ đã chỉ chỗ chí yếu của việc tu để chúng ta không còn ngờ vực, đến đây Tổ lại khen ngợi để sách tấn.

Âm:

Như tư hành chỉ, thật bất uổng phi pháp phục, diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Sanh sanh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ, vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc.

Dịch:

Nếu làm được như thế, mới thật không uổng mặc áo pháp, cũng là đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi. Đời đời nếu không thối chuyển thì quả Phật quyết chắc được nên. Làm người khách qua lại trong ba cõi, ra vào làm phép tắc cho người.

Giảng:

Nếu "ngộ thanh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa" thì mới thật không uổng mặc áo pháp trong nhà Phật. Vì vậy chủ trương của chúng tôi là loại bỏ tất cả kiến thức, vì còn kiến thức là còn vọng tưởng, chẳng bao giờ thể nhập được pháp tánh châu lưu. Chúng ta phải gan dạ loại bỏ các kiến thức tạp nhạp, vì càng nhiều kiến thức càng tầm thường. Muốn vượt khỏi sự tầm thường ấy, chỉ nên đi thẳng theo một con đường cho đến nơi đến chốn.

Như có người đánh máy, đào mương, hội họa, làm bếp... cái gì cũng biết, chắc chắn sẽ không giỏi hẳn một môn nào. Chỉ có thể tùy thân hữu dụng, chứ không thể thành người tài giỏi. Muốn thành người tài giỏi chỉ nên chuyên một ngành thôi. Tất cả kiến thức khôn ngoan đều là vọng tưởng, chẳng phải chân thật. Chúng chỉ là những hòn bọt ngoài bể cả, nào có nghĩa lý gì. Chúng ta phải gan dạ đập nát những hòn bọt vọng tưởng kia,

để thấy được diệu dụng khôn lường của mình, chừng đó mới đủ khả năng gánh vác Phật pháp.

Âm:

Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền, đãn biện khẳng tâm, tất bất tương trám.

Dịch:

Môn thiền này rất diệu rất huyền, chỉ cần có đủ quyết tâm, mới biết Phật tổ không dối.

Giảng:

Một hôm trên hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen lên cả chúng hội đều ngơ ngác, chỉ có ngài Ca-diếp đắc ý chúm chím cười. Về sau, có một thiền khách đem việc này đến hỏi thiền sư:

- Vì sao nói Như Lai có mật ngữ mà không có mật tàng?

Thiền sư liền đưa tay lên, hỏi:

- Hội không?

- Không hội.

- Nếu ông không hội thì Như Lai có mật ngữ, nếu ông hội thì Như Lai không có mật tàng.

Điều Phật muốn nói muốn chỉ, vượt ngoài tầm hiểu biết theo vọng tưởng của mình, nên chúng ta nghe như bí mật. Vì chúng ta không lãnh hội được nên thấy như Phật có mật tàng, còn đối với ngài Ca-diếp thì Như Lai có mật ngữ nhưng không có mật tàng. Khi chưa lãnh hội

thì nghi ngờ lời Phật tổ, lãnh hội được rồi hết nghi mới thấy môn thiền này rất diệu huyền. Người tu phải cố gắng nhận ra cái chân thật, mới thấy Phật tổ không dối gạt mình. Chúng ta thường nghi ngờ, nếu dẹp hết kiến thức rồi còn gì? Chẳng lẽ tu không biết gì hết, cứ ngơ ngơ sao? Đừng lo chuyện ấy, chỉ lo trong lòng chưa được trống không, chứ khi dứt hết vọng tưởng điên đảo rồi thì *bên này bên kia, ứng dụng không thiếu.*

Có lắm vị ngồi thiền được yên tĩnh giây lát sanh nghi, tới chỗ yên rồi sao không thấy có diệu dụng? Mới yên được chốc lát làm sao có diệu dụng, chừng nào đi đứng nằm ngồi đều như như, chừng ấy mới *pháp tánh châu lưu.* Như ngài Triệu Châu suốt ngày không có tạp niệm, chỉ trừ hai thời cơm cháo là còn khởi quán tưởng. Chúng ta ngồi thiền chưa yên, chưa có được năm phút hay nửa ngày như như thì làm sao có diệu dụng? Chỉ khi không còn vọng tưởng, mới thấy mình chẳng phải là thân bé nhỏ mong manh này, mà là cái bất sanh bất diệt như như.

Chỗ cứu cánh này không chỉ riêng Thiền tông, mà chư tổ Tịnh độ cũng thấy như thế. Có vị tăng đến hỏi đạo một vị sư Nhật Bản:

- Thầy tu pháp môn nào?

- Tôi tu pháp môn Tịnh độ.

- Đức Phật A-di-đà bao nhiêu tuổi?

- Bằng tuổi của tôi.

- Vậy Ngài bao nhiêu tuổi?

- Bằng tuổi Phật A-di-đà.

Câu đáp này chứng tỏ vị sư đó đã thể nhập pháp tánh, nên không thấy Phật A-di-đà là một vị Phật ở cõi xa xôi nào, mà chính là tự tánh của mình, nên nói bằng tuổi của tôi. Chúng ta nghe qua thấy như vị sư này phạm thượng, dám so sánh tuổi mình bằng tuổi Phật, nhưng đối với người tu hiểu thấu đáo rồi, thấy đó là sự thật.

Tổ e có người đối với giáo lý cao siêu như thế không kham lãnh nổi, nên đến đây ngài hạ xuống dạy phương pháp khác.

Âm:

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp. Tinh sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

Dịch:

Nếu có kẻ bậc trung, chưa thể vượt qua được phương tiện, thì phải đối với giáo pháp lưu tâm, ôn tầm kinh luận. Tinh thông nghĩa lý, truyền bá mở mang, tiếp dẫn hậu lai, báo ân đức Phật.

Giảng:

Nếu người đốn siêu được thì ngay trong đời này có thể cứu giúp chúng sanh trong ba cõi, đền đáp bốn trọng ơn. Còn chưa được như thế thì phải nghiên cứu kinh điển cho tinh thông để đem ra truyền bá, hầu tiếp dẫn người sau, đáp đền ơn Phật. Như thế cũng là tốt vậy.

Âm:

Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì, trụ chỉ oai nghi, tiện thị tăng trung pháp khí.

Dịch:

Thời giờ chớ nên luống bỏ, phải dùng giáo pháp để phò trì, đi đứng oai nghi, mới là pháp khí Tăng bảo.

Giảng:

Chúng ta không phải là người nhất thời thấu suốt về thiền, cũng không nên luống bỏ thời giờ, cần phải nghiên cứu kinh điển thâm sâu, để dạy dỗ người sau, giữ gìn nề nếp, đi đứng oai nghi... làm mẫu mực cho tăng chúng, đền đáp ơn Phật.

Âm:

Khởi bất kiến ỷ tùng chi cát, thượng tủng thiên tầm. Phụ thác thắng nhân, phương năng quảng ích.

Dịch:

Há chẳng thấy, dây sắn nương cây tùng mà vượt cao lên ngàn trượng. Nương gá nhân lành thù thắng thì mới được lợi ích rộng nhiều.

Giảng:

Dây sắn, dây bìm nhờ nương quấn cây tùng mà vượt lên cao ngàn trượng. Cũng vậy, chúng ta là kẻ tầm thường thì phải nương nhờ kinh luật để tu. Vì sao? Vì kinh giáo ví như chiếc bè để qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng. Nương ngón tay mà thấy mặt trăng, nhân kinh

mà ngộ được bản tánh. Dù đời này không tỏ ngộ được thì cũng chứa nhóm thiện căn, nuôi dưỡng hạt giống Phật. Đồng thời nghiên cứu kinh điển mới nắm vững đường lối tu, để hướng dẫn người sau khiến cho mọi người bớt khổ được vui. Vì vậy, chúng ta tu là phải biết khéo léo linh động, để được lợi ích cho mình và cho người.

Âm:

Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du. Thế thế sanh sanh, thù diệu nhân quả.

Dịch:

Phải nên thiết tha tu hành trai giới cho thanh tịnh, chớ nên khinh dối bỏ qua. Đời đời kiếp kiếp, sẽ được nhân quả tốt đẹp.

Giảng:

Khẩn tu trai giới, mạc man khuy du. Ở trên Tổ đã khuyên học kinh nhưng sợ chúng ta chấp lý bỏ sự, hạnh giải không tương ưng, nên đến đây ngài lại dạy phải nghiêm trì giới luật, chớ nên thiếu sót bỏ qua. Giữ giới là sự, học kinh là lý, sự lý phải viên dung. Như chim có hai cánh thiếu một không thể bay được, người có hai chân thiếu một không thể đi được. Thế nên tổ Ca-diếp trọn đời tu hạnh đầu-đà, ngài Vĩnh Gia không ăn rau dưới đầu cuốc vì sợ làm chết trùng kiến, ngài Khuê Phong quanh năm không rời đãy lọc nước... Chư Tổ đã ngộ đạo đối với giới luật còn không dám coi thường, huống người thời nay học hiểu được chút ít lý thiền đã vội buông lung phá giới, đó là bệnh.

Thế thế sanh sanh, thù diệu nhân quả. Giữ giới thì hiện đời tâm trong sạch, đời sau được báo thân đoan chánh trang nghiêm. Cho đến thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật cũng do nhiều đời giữ giới mà được thành tựu. Nên nói, đời đời kiếp kiếp nhân quả tốt đẹp.

Âm:

Bất khả đẳng nhàn quá nhật, ngột ngột độ thời, khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân. Tích lụy chuyển thâm, tâm trần dị ủng. Xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi.

Dịch:

Chẳng nên thong thả qua ngày, ngẩn ngơ hết buổi. Thời giờ đáng tiếc sao chẳng cầu tu tiến. (Như thế thật là) luống hao của tín thí, cũng là cô phụ bốn ân. Tích chứa càng nhiều, tâm trần dễ lấp, gặp việc ngăn bít, bị người chê cười.

Giảng:

Bất khả đẳng nhàn quá nhật, ngột ngột độ thời. Không nên lửng lơ thong thả qua ngày, ngơ ngáo hết tháng. Chữ *ngột ngột* có chỗ dùng để chỉ cho người tâm nhất như, trong lòng không còn một chút kiến giải nào. Ngơ ngáo nhưng không phải là cái ngơ ngáo của người không hiểu đạo lý. Chữ ngột ngột ở đây Tổ dùng để quở người tu mà lo ăn chơi theo thế tục, cứ ngơ ngơ để ngày tháng trôi qua vô ích.

Khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân. Phải biết quý tiếc thời giờ mà nỗ lực tiến tu, nếu không thì đã luống tiêu hao của tín thí mà cũng là cô phụ tứ ân.

Tích lụy chuyển thâm, tâm trần dị ủng. Xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi. Tích chứa tiền của càng nhiều, tâm dễ bị bụi trần che lấp. Như khi chúng ta không có một xu dính túi đâu cần suy nghĩ, nhưng nếu có ai cho vài ngàn thì lúc đó liền suy nghĩ phải mua thứ gì, tức vọng tưởng dấy lên. Tiền ít thì vọng tưởng ít, tiền nhiều vọng tưởng càng nhiều. Nếu người có bạc tỷ thì thật khó tu, vì bận lo nghĩ làm sao cho khỏi mất mát, làm sao để sanh lợi? Tâm lúc nào cũng bất an, tức đã bị bụi trần phủ che. Thế nên người nào chứa nhóm càng nhiều càng bị chướng ngại, ở trong Phật pháp không sáng tỏ được. Tuy có tiền của nhiều nhưng vẫn bị người khinh, vì tu mà đạo lý không biết gì cả.

Âm:

Cổ vân: "Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất." Nhược bất như thử, đồ tại truy môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích.

Dịch:

Người xưa nói: "Kia trượng phu ta đây cũng thế, chớ tự khinh mình mà lui sụt." Nếu chẳng như thế, luống ở trong cửa đạo, dần dà hết một đời, trọn không có lợi ích.

Giảng:

Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất. Trong kinh A-hàm kể, ngài La-hầu-la đi tu lúc còn bé nên hay chọc phá. Có lần thấy các vị Tỳ-kheo ngủ ngài đến chọc phá, các Tỳ-kheo thưa lên Phật, Phật quở:

- Sao ông không học theo những vị trưởng lão đằm thắm nghiêm chỉnh, lại đùa giỡn như thế?

La-hầu-la thưa:

- Bạch Thế Tôn, con đâu dám bì với các hàng trưởng lão.

Phật dạy:

- Kia là trượng phu, mình cũng thế. Cớ sao tự khinh, lại có những tánh xấu như vậy?

Từ đó câu nói "bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối khuất" thường được nhắc đến. Chúng ta có bệnh tự ty mặc cảm, nghe nói đến Phật thì nghĩ Phật ngồi trên cao, còn mình ở dưới thấp. Biết thế nên Phật đã hạ ngài xuống để hòa với chúng ta và bảo: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành." Phật đã nâng chúng ta lên mà chúng ta vẫn không dám nhận, luôn xem việc thành Phật là quá cao xa, không làm nổi, không dám tin mình sẽ thành Phật. Do cứ thầm tưởng như vậy, nên thay vì cố gắng mười phần, chỉ ráng năm sáu phần thôi. Như học trò sắp thi tú tài mà mang mặc cảm sẽ thi rớt, nên đến trường học cầm chừng, bạn bè rủ đi chơi liền đi, không lo học hành. Từ ý niệm thiếu tự tin dẫn đến bê tha. Nếu tin sẽ thi đậu thì sẽ cố học,

có ai rủ rê cũng không dám đi chơi, nhờ thế mà siêng năng cần mẫn. Bê tha hay cần mẫn là do tự tin hay không tự tin mà thôi.

Hiện nay đa số người tu hầu như mất tự tin, vì nghĩ mình tu không thành Phật nên cứ thong thả không cố gắng tu. Vậy nên nếu có ai rủ đi giải trí một chút thì nghĩ, đi cho khuây khỏa chắc cũng không phạm tội gì. Cứ thế từ lỗi nhỏ dẫn dần đến lỗi lớn, càng ngày càng xa đạo. Gốc là do thiếu tự tin.

Trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh thường làm một việc xem như đùa, đến đâu gặp ai ngài cũng nói: "Tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật." Không kể ngài tu hạnh gì, chỉ nói một câu ấy thôi, mà Phật bảo: "Bồ-tát Thường Bất Khinh là tiền thân của ta, nhờ tu hạnh ấy mà bây giờ ta được thành Phật. Những người mà ta gieo hạt giống thời đó, hiện tại đang ở trong hội chúng đây, có người là Bồ-tát, có người là La-hán." Chỉ một câu nói "tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật" mà đã gieo vào lòng người một niềm tin, đó là tin mình có hạt giống Phật.

Chúng ta vì mất niềm tin nơi chính mình, nên đối với quả Phật cảm thấy vô phần, trong khi mỗi người đều có Phật tánh. Đã có hạt giống Phật thì quyết định sẽ có ngày thành Phật, nên Tổ nói *Phật giai quyết định khả kỳ,* quả Phật chắc chắn sẽ có ngày thành tựu. Phật tổ cũng là người như chúng ta, nếu chịu tu đúng theo các ngài chỉ dạy thì chúng ta cũng sẽ thành Phật thành tổ.

Tu chưa ra gì mà tự xưng là tổ thì là ngã mạn, còn nói quyết định sẽ thành tổ thì đâu phải ngã mạn. Chỗ này chúng ta nên hiểu rõ, để cố gắng vươn lên.

Nhược bất như thử, đồ tại truy môn, nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích. Nếu không được như vậy thì luống ở trong đạo, lơ lửng một đời, trọn không có lợi ích. Tới đây Tổ vừa nhắc nhở vừa quở rầy, mà chúng ta đâu đó vẫn y nguyên, mới biết mình nghiệp chướng thật sâu dày.

Âm:

Phục vọng hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài. Cử thố khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhân.

Dịch:

Trông mong (các ông) phát chí dũng mãnh, mở lòng rộng xa. Việc làm phải noi gương hàng thượng đức, chớ học kẻ tầm thường. Đời này tự mình quyết đoán, chẳng do người khác liệu giùm.

Giảng:

Tổ trông mong chúng ta hãy khởi ý chí quyết liệt, mở tâm rộng rãi, phàm làm việc gì phải noi gương Phật tổ, chớ duyên theo những kẻ tầm thường. Đời này phải chính mình lo giải quyết lấy việc sanh tử, chớ trông cậy vào người khác. Như thế mới xứng đáng và không uổng phí một đời tu. Tổ thúc đẩy mạnh mẽ để chúng ta một bề thẳng tiến.

Âm:

Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch, chỉ vị cửu trệ bất thông.

Dịch:

Dứt ý quên duyên, đừng với các trần làm bạn. Tâm không cảnh lặng, chỉ vì hằng lâu ngăn trệ chẳng thông.

Giảng:

Dứt ý quên duyên đừng làm bạn cùng trần cảnh, tức tâm không duyên theo cảnh. Nếu ở giữa chợ mà tâm không duyên theo cảnh thì đó là cảnh tịch, còn ở núi non vắng vẻ mà tâm cứ nhớ đây nhớ kia đó là cảnh ồn. Cảnh vắng hay ồn là do tâm duyên hay không duyên theo cảnh. Xưa nay tâm vốn rỗng rang, trần cảnh vốn lặng lẽ, chỉ vì quên chân theo vọng, lâu ngày bị các duyên che lấp, khuất mất bản tâm khiến phải lăng xăng trong sáu nẻo. Chỉ cần dừng vọng tưởng là dừng bước luân hồi.

Âm:

Thục lãm tư văn, thời thời cảnh sách. Cưỡng tác chủ tể, mạc tuẫn nhân tình. Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tỵ. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan. Nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ.

Dịch:

Hãy đọc kỹ văn này, thường tự nhắc nhở. Cố gắng làm chủ, chớ theo tình người. Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh. Tiếng hòa thì vang thuận,

hình thẳng thì bóng ngay. Nhân quả rõ ràng, há không lo sợ.

Giảng:

Thục lãm tư văn, thời thời cảnh sách. Cưỡng tác chủ tể, mạc tuẫn nhân tình. Tổ dạy chúng ta phải thường đọc bản văn này cho thuộc lòng để luôn tự đánh thức mình. Cố gắng tự chủ, đừng chạy theo tình người mới có thể tiến tu được.

Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tỵ. Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan. Nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ. Một khi nghiệp quả đã buộc ràng thì khó trốn tránh. Gây nhân lành được quả tốt, cũng như tiếng êm ái thì âm vang nhẹ nhàng, hình ngay thì bóng thẳng. Nhân quả theo nhau rõ ràng như vậy. Nếu đời này tu hành chưa giải thoát thì phải biết gây nhân gì gặt quả nấy. Thế nên người biết tu cần dè dặt.

Âm:

Cố kinh vân, giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.

Dịch:

Cho nên kinh nói: "Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhân duyên khi gặp gỡ, quả báo lại phải chịu."

Giảng:

Tổ dẫn kinh Nhân Quả. Nếu đã tạo nghiệp thì dù trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp đó cũng không mất.

Khi hội đủ duyên quả báo sẽ đến và chúng ta phải nhận chịu lấy. Có người tưởng rằng những việc đã làm sẽ qua mất theo thời gian, nhưng thật sự nó không mất mà âm hưởng vẫn còn. Như tiếng nói phát ra chúng ta tưởng là mất, thật sự nó vang ra và còn lưu lại đâu đó, điều này bây giờ khoa học đã giúp cho thấy rõ. Những hành động của chúng ta cũng như thế.

Tuy nhiên, không mất mà mất, mất mà không mất. Như khi chúng ta có quyền thế, đối với người xung quanh lắm lúc có những lời lẽ hay hành động khinh miệt. Lúc đó vì sợ uy lực của mình, tuy bên ngoài không dám buồn trách, nhưng trong lòng họ nhớ mãi. Đến một ngày nào đó chúng ta sa cơ thất thế, họ lại có uy thế hơn, bấy giờ sẽ trả thù mình, chừng ấy mới thấy nhân quả rõ ràng. Là người tu biết rõ lý nhân quả, chúng ta cần phải dè dặt từng hành động, từng lời nói, để không dẫn đến nhân quả chẳng lành.

Âm:

Cố tri tam giới hình phạt, oanh bạn sát nhân, nỗ lực cần tu, mạc không quá nhật.

Dịch:

Nên biết ba cõi hình phạt, trói buộc hại người, gắng sức lo tu, chớ luống qua ngày tháng.

Giảng:

Ba cõi là chỗ chúng sanh thọ quả báo, nên nói ba cõi hình phạt. Phiền não vọng tưởng là sợi dây trói buộc,

là giặc thù cướp mất tuệ mạng, gia bảo của chúng ta, nên nói trói buộc hại người. Đến đây Tổ kết thúc và nhắc nhở hết sức thiết tha.

Âm:

Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì, nguyện bách kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ.

Dịch:

Biết rõ lỗi lầm, nên mới khuyên nhau tu tập, nguyện trăm kiếp ngàn đời, chỗ chỗ cùng làm bạn pháp.

Giảng:

Sở dĩ Tổ khuyên như vậy, vì ngài đã thấy rõ lỗi lầm đó nên mới khuyên chúng ta tu tập. Ngài nguyện trăm kiếp ngàn đời, nơi nơi chỗ chỗ đồng làm bạn pháp, để nhắc nhau cùng tu cùng sớm thành Phật đạo. Đây cũng chính là sở nguyện của tất cả người tu. Để toát yếu lại, ngài làm bài minh.

Âm:

Nãi vi minh viết:

Huyễn thân mộng trạch,
Không trung vật sắc.
Tiền tế vô cùng,
Hậu tế ninh khắc?

Dịch:

Bèn làm bài minh rằng:

Thân huyễn nhà mộng,
Vật sắc trong không.
Mé trước không cùng,
Mé sau đâu biết?

Giảng:

Thân là huyễn hóa, cõi này như cõi mộng. Tất cả hình ảnh sự vật trước mắt, chẳng khác nào hoa đốm giữa hư không, đều là huyễn hóa do nhân duyên sanh. Nhân duyên thì trùng trùng điệp điệp, nên mé trước không cùng, mé sau không thể tính hết.

Âm:

Xuất thử một bỉ,
Thăng trầm bì cực.
Vị miễn tam luân,
Hà thời hưu tức?

Dịch:

Thoát đây chìm kia,
Lên xuống cực nhọc.
Chưa khỏi ba đường,
Bao giờ thôi dứt?

Giảng:

Khi chúng ta chưa giác ngộ giải thoát, cứ mải ra đây vào kia lẩn quẩn sáu nẻo, lang thang trong dòng

luân hồi, hết lên lại xuống từ vô thủy đến bây giờ không biết đã bao lần. Nếu chưa thoát khỏi ba cõi thì biết đến bao giờ sự lên xuống nhọc nhằn kia mới thôi dứt.

Âm:

Tham luyến thế gian,
Ấm duyên thành chất.
Tùng sanh chí lão,
Nhất vô sở đắc.

Dịch:

Tham luyến cõi đời,
Ấm duyên thành chất.
Từ sanh đến già,
Trọn không gì được.

Giảng:

Vì tham luyến thế gian nên mới có thân, hợp năm uẩn lại thành sắc chất. Như vậy có thân đây là do gốc luyến ái mà ra. Nhưng từ lúc sanh cho đến già nhắm mắt, nào có được gì đâu. Đến tay không đi cũng tay không. Chỉ có mang theo nghiệp, mà còn nghiệp thì sanh tử lại trùng trùng tiếp nối.

Âm:

Căn bản vô minh,
Nhân tư bị hoặc.
Quang âm khả tích,
Sát-na bất trắc.

Dịch:

Căn bản vô minh,
Nhân đây mê hoặc.
Thời giờ đáng tiếc,
Khoảnh khắc khó lường.

Giảng:

Cội gốc vô minh, do đây bị mê lầm. Mê lầm chồng chất mê lầm, không biết bao giờ dứt được. Thế nên chúng ta phải tiếc từ tấc bóng. Mạng sống con người trong khoảng sát-na không thể lường được, đang sống đây nhưng có duyên nào đó đưa đến liền ngã ra chết. Thế là đã qua đời khác.

Âm:

Kim sanh không quá,
Lai thế trất tắc.
Tùng mê chí mê,
Giai nhân lục tặc.

Dịch:

Đời nay luống qua,
Đời sau ngăn lấp.
Từ mê đến mê,
Đều do sáu giặc.

Giảng:

Nếu đời này luống qua thì đời sau bít lấp. Từ mê đến mê cũng đều do sáu tên giặc, mắt tai mũi lưỡi thân ý, khiến chúng ta không thoát khỏi sáu trần.

Âm:

Lục đạo vãng hoàn,
Tam giới bồ bặc.
Tảo phỏng minh sư,
Thân cận cao đức.

Dịch:

Qua lại sáu đường,
Lăn lóc ba cõi.
Sớm tìm minh sư,
Thân gần cao đức.

Giảng:

Cứ mải qua lại trong sáu đường, lăn lóc ba cõi không dứt, vì vậy nên phải hỏi các bậc minh sư và gần gũi các vị cao đức.

Âm:

Quyết trạch thân tâm,
Khử kỳ kinh cức.
Thế tự phù hư,
Chúng duyên khởi bức?

Dịch:

Gạn lọc thân tâm,
Bỏ điều gai góc.
Đời tự giả hư,
Duyên nào ép ngặt?

Giảng:

Thường phải gạn lọc thân tâm, bỏ đi những vọng tưởng gai góc, để cây bồ-đề được tăng trưởng. Cuộc đời hư giả, do các duyên tụ hội. Thấy rõ như vậy thì duyên nào bức bách được mình!

Âm:

Nghiên cùng pháp lý,
Dĩ ngộ vi tắc.
Tâm cảnh câu quyên,
Mạc ký mạc ức.

Dịch:

Xét tột pháp lý,
Chứng ngộ mới thôi.
Tâm cảnh đều quên,
Chẳng ghi chẳng nhớ.

Giảng:

Chúng ta phải nghiên cứu đạo lý cho cùng tột, đi đến chỗ giải thoát mới thôi. Tâm cảnh đều dẹp hết, chớ ghi chớ nhớ.

Âm:

Lục căn di nhiên,
Hành trụ tịch mặc.
Nhất tâm bất sanh,
Vạn pháp câu tức.

Dịch:

Sáu căn an nhiên,
Đứng đi lặng lẽ.
Một tâm chẳng sanh,
Muôn pháp đều dứt.

Giảng:

Nếu sáu căn an nhiên, không chạy theo sáu trần thì đi đứng nằm ngồi đều lặng lẽ. Một tâm chẳng sanh thì muôn pháp đều dứt đoạn.

Tổ dùng bài minh này để cô đọng lại toàn văn cảnh sách ở trên. Ngài nhắc nhở tới lui chỉ vì muốn chúng ta trở thành người xuất gia xứng đáng, để không phụ ơn cha mẹ, thầy tổ, đàn-na thí chủ... và làm lợi ích cho Phật pháp, cho chúng sanh đời sau vậy.